



HAGL Group



PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	02
Thông tin tài chính cơ bản	04

KHAI THÁC GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP TIỀM NĂNG

Thông tin chung	08
Các cột mốc phát triển quan trọng	10
Sự kiện nổi bật	11
Mô hình quản trị	12
Bộ máy quản lý	14
Ngành nghề kinh doanh	16
Các công ty liên quan	18

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH

Thông tin HĐQT	22
Thông tin Ban Tổng Giám đốc	24
Thông tin Ban Kiểm soát	25
Thông tin Ban Chiến lược	25
Tổ chức nhân sự	26
Báo cáo tình hình hoạt động năm 2018	28
Báo cáo Hội đồng Quản trị	32
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	34
Báo cáo của Ban kiểm soát	38

Quản trị công ty

Cơ cấu cổ đông	42
Hoạt động của HĐQT	44
Quan hệ Nhà đầu tư	46
Quản lý rủi ro	46

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với cộng đồng	50
An sinh cho người lao động	52
Bảo vệ môi trường	54
Cùng nhau phát triển	56

TÍCH LŨY GIÁ TRỊ

Báo cáo tài chính	60
-------------------	----



PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Hoàng Anh Gia Lai (HAGL) có lợi thế cạnh tranh để phát triển nông nghiệp nhờ vào quỹ đất rộng lớn ở vùng khí hậu nhiệt đới, nguồn nước dồi dào và lực lượng lao động trẻ tại địa phương với chi phí thấp.

Dựa vào nhu cầu đối với trái cây nhiệt đới rất lớn của đại đa số người tiêu dùng cả trong và ngoài nước, HAGL đã và đang phát triển kênh phân phối xuất khẩu sang các thị trường giàu tiềm năng như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore... đồng thời cũng chú trọng khai thác thị trường nội địa.

HAGL xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp dựa trên sản xuất quy mô lớn, cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ Israel trong tưới tiêu, bón phân... Từ khâu làm đất đến khâu sản xuất, thu hoạch, đóng gói, bảo quản đều theo tiêu chuẩn Global GAP. Đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.

Những yếu tố này là nền tảng quan trọng của chiến lược “Phát Triển Nông Nghiệp Bền Vững” mà HAGL đang theo đuổi.



TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp.



SỨ MỆNH

Không ngừng sáng tạo, phấn đấu tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, cổ đông và toàn xã hội.

Thông điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông và Nhà đầu tư,

Trong năm 2018, nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn và biến động khó lường. Nhu cầu đối với phần lớn các nguyên liệu sản xuất, trong đó có mủ cao su, vẫn ở mức thấp, giá cả chưa thể phục hồi ổn định. Chính vì vậy, ngành cao su của Hoàng Anh Gia Lai vẫn còn đối mặt với vô vàn khó khăn. Áp lực thanh khoản vẫn là bài toán khó mà HAGL cần sớm tìm ra lời giải.

Nhờ vào thành quả của ngành cây ăn trái đã đầu tư từ năm 2016, HAGL đã duy trì ổn định mức doanh thu, tạo ra một phần nguồn thanh khoản để trang trải chi phí hoạt động và đầu tư mở rộng diện tích cây ăn trái. Trong năm 2018, ngành cây ăn trái đã mang lại nguồn doanh thu khả quan với mức 2.897 tỷ đồng, đóng góp 53,8% trong tổng doanh thu của Tập đoàn. Đến cuối năm 2018, tổng diện tích cây ăn trái đã trồng được là 18.675 ha với các sản phẩm chủ lực là chuối, thanh long, xoài, mít, bưởi da xanh, và hơn 10 loại cây ăn trái khác. Với diện tích cây ăn trái này, dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu chủ lực cho năm 2019, khẳng định chiến lược tái cơ cấu kinh doanh đang đi đúng hướng. Đây là tiền đề và động lực quan trọng, tạo đà cho chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững của Tập đoàn.

Bước sang năm 2019, được xác định là năm bản lề quan trọng để HAGL đi vào giai đoạn 2020 - 2025, phát triển bền vững, để từ đó làm đòn bẩy đưa HAGL trở thành Tập đoàn nông nghiệp hàng đầu Châu Á vào năm 2025. Để thực hiện mục tiêu này, ngoài những nhiệm vụ cốt lõi là mở rộng diện tích



Việc ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Trường Hải có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của HAGL. Trường Hải đã hỗ trợ nguồn vốn cho mảng nông nghiệp của Tập đoàn (HNG) đầu tư mở rộng diện tích cây ăn trái và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trường Hải cũng đã giúp HNG trong việc cải tiến công tác quản trị sản xuất, ứng dụng cơ giới hóa vào nông nghiệp và sắp xếp lại công tác kho vận, giúp nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.



Với diện tích cây ăn trái
18.675 ha

**dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu
chủ lực cho năm 2019**

cây ăn trái, chọn lọc danh mục sản phẩm hiệu quả và kiện toàn bộ máy quản trị, thì Tập đoàn sẽ tập trung quản trị bằng ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở số hóa và cơ giới hóa cho tất cả các khâu trong chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp: từ canh tác đến thu hoạch, vận chuyển, lưu kho, chế biến chuyên biệt theo nhóm cây ăn trái và cây công nghiệp, đặc biệt là ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Với nguồn sức mạnh được cộng hưởng, nội lực hiện tại đang được củng cố, tôi tin rằng HAGL sẽ sớm vượt qua khó khăn để bước vào giai đoạn phát triển bền vững, vươn xa tầm Châu lục.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Ngân hàng và Đối tác đã đồng hành cùng HAGL trên chặng đường gian nan vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới. Sự đồng hành và ủng hộ của Quý vị sẽ là động lực để chúng tôi tiếp tục phát triển, theo đuổi sứ mệnh “Phát triển Nông nghiệp bền vững”.

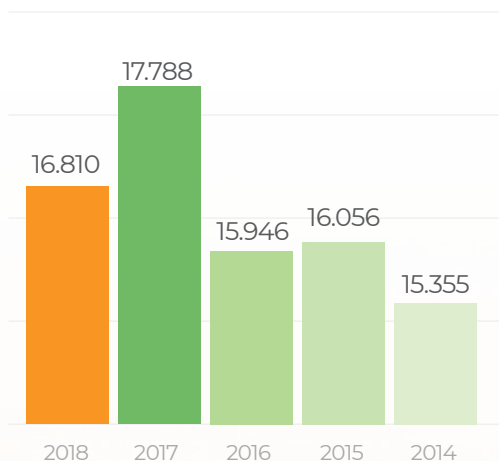
Trân trọng,

Chủ Tịch HĐQT
Đoàn Nguyên Đức

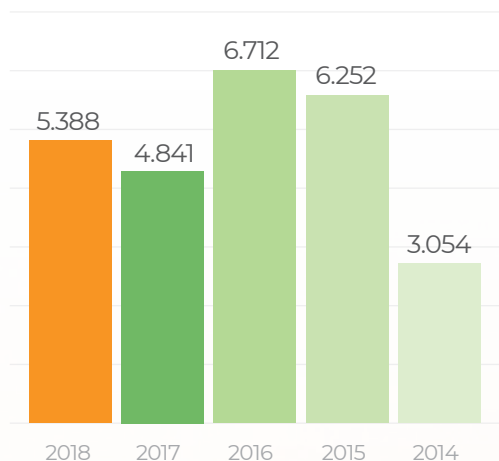


Thông tin TÀI CHÍNH CƠ BẢN

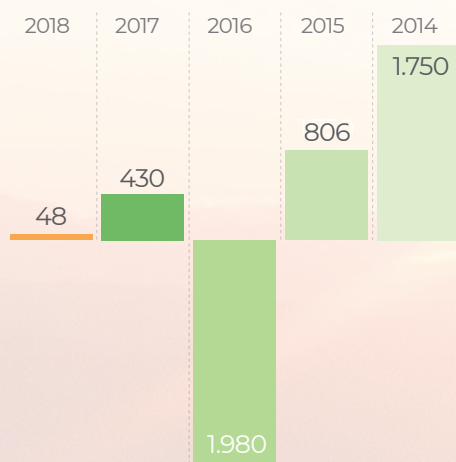
VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ VND)



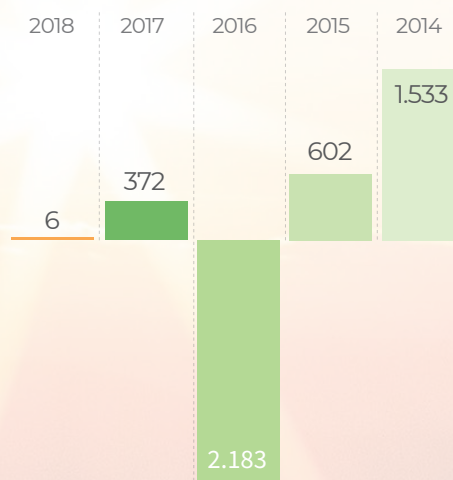
DOANH THU THUẦN
(TỶ VND)



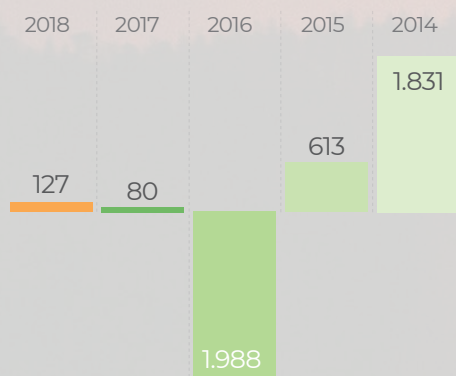
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(TỶ VND)



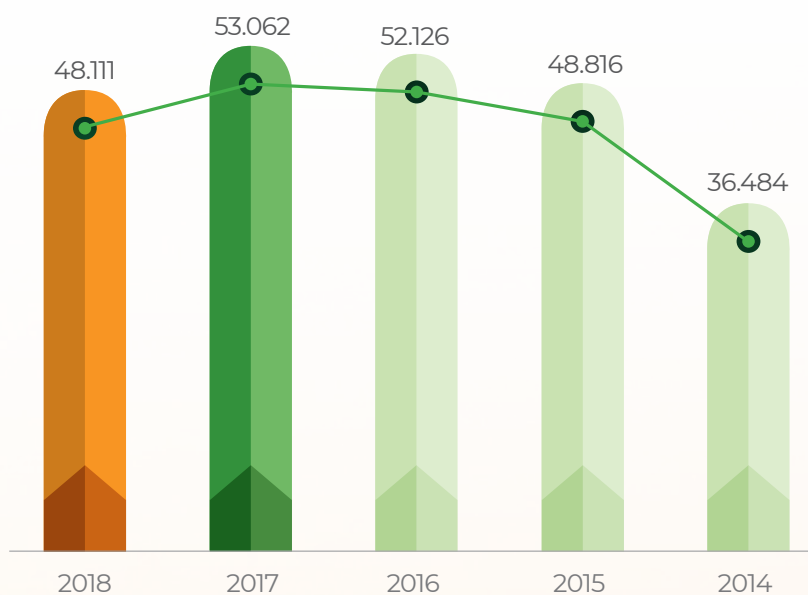
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(TỶ VND)



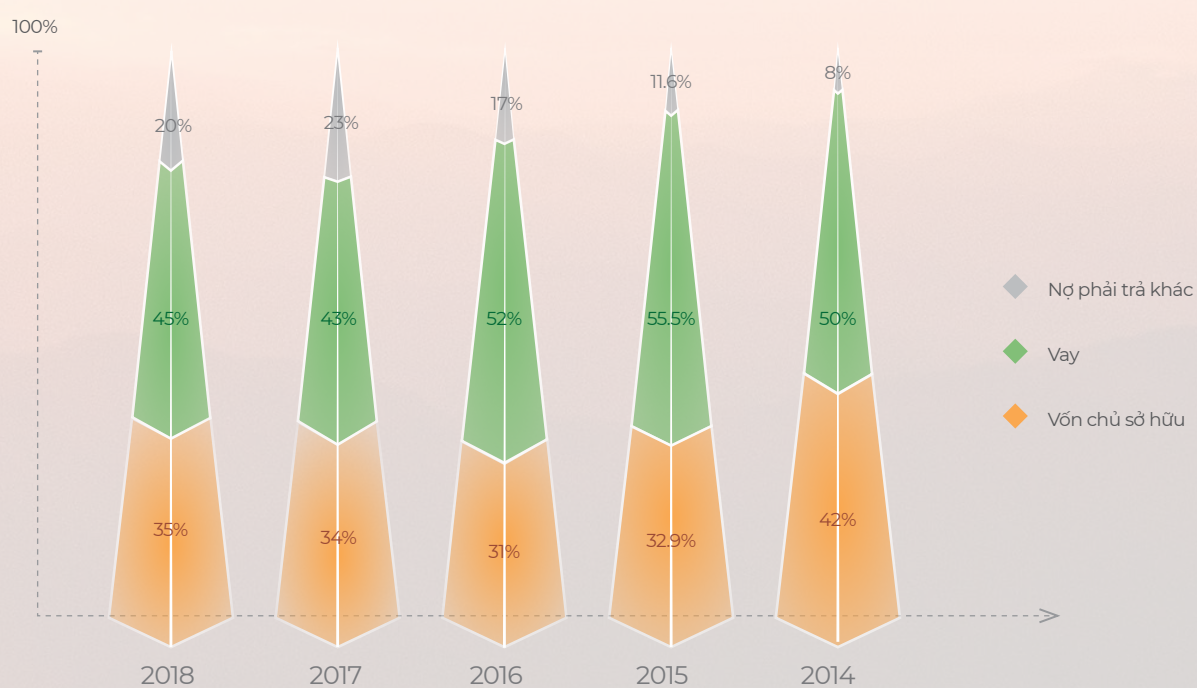
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU
(VND)



TỔNG TÀI SẢN (TỶ VND)



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU



KHAI THÁC GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP TIỀM NĂNG

Thông tin chung	08	Bộ máy quản lý	14
Các cột mốc phát triển quan trọng	10	Ngành nghề kinh doanh	16
Sự kiện nổi bật	11	Các công ty liên quan	18
Mô hình quản trị	12		



| Thông tin chung



HỘI SỞ

📍 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng,
Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

☎️ (+84) 269 222 5888

📠 (+84) 269 222 2335

🌐 www.hagl.com.vn

Tên công ty bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Tên công ty bằng tiếng Anh:
HOANG ANH GIA LAI JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch:
HOÀNG ANH GIA LAI

Tên viết tắt:
HAGL



VỐN ĐIỀU LỆ:
9.274.679.470.000 VND



MÃ CỔ PHIẾU:
HAG



MỆNH GIÁ:
10.000 VND



TỔNG SỐ CỔ PHẦN:
927.467.947 CP

Mã số doanh nghiệp
5900377720

Đăng ký kinh doanh lần đầu
Ngày 01/06/2006

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
**Số 3903000083 do Sở Kế hoạch
và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày
01/06/2006 (đăng ký lần đầu)**

Đăng ký thay đổi
lần thứ 30 ngày 30/03/2018

TÊN GIAO DỊCH

**GIẤY CHỨNG
NHẬN ĐĂNG KÝ
KINH DOANH**

Các cột mốc PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

1990 - 1993

GIAI ĐOẠN KHỞI NGHIỆP

Doanh nghiệp tư nhân: Sản xuất đồ gỗ

1990

- Một phân xưởng nhỏ sản xuất đồ gỗ

1993

- Xây dựng nhà máy chế biến gỗ đầu tiên;
Thành lập Xí nghiệp tư nhân Hoàng Anh Gia Lai



2002 - 2012

GIAI ĐOẠN ĐẠI CHÚNG HÓA

Công ty đại chúng: Bất động sản là ngành chủ lực trong khi chiến lược đa dạng hóa được triển khai

2002

- Đầu tư vào CLB Bóng đá Hoàng Anh Gia Lai nhằm quảng bá thương hiệu Hoàng Anh Gia Lai trong và ngoài nước

2006 - 2007

- Chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần
- Dragon Capital và Jaccar trở thành cổ đông chiến lược của Công ty

2008 - 2010

- Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Huy động vốn cổ phần từ TTCK để tài trợ cho chương trình đa dạng hóa sang ngành trồng trọt, thủy điện và khoáng sản nhằm tạo sự phát triển bền vững

2011 - 2012

- Huy động vốn từ thị trường chứng khoán Quốc tế thông qua phát hành GDR niêm yết trên Sàn Luân Đôn
- Phát hành Trái phiếu Quốc tế 90 triệu USD thông qua Credit Suisse
- Phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Temasek

Từ 2013 đến nay

GIAI ĐOẠN TÁI CẤU TRÚC KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH

- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào ngành nông nghiệp, lấy mảng cây ăn trái làm chủ lực
- Thoái vốn khỏi ngành thủy điện, bất động sản, mía đường, khoáng sản
- Bán bớt các tài sản kém hiệu quả
- Tái cơ cấu nợ, nguồn vốn

DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG HIỆN NAY

CAO SU

47.122 ha

CÂY ĂN TRÁI

18.675 ha

CỌ DẦU

20.488 ha

NGÀY 08/08/2018

LỄ CÔNG BỐ HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC GIỮA HAGL & THACO

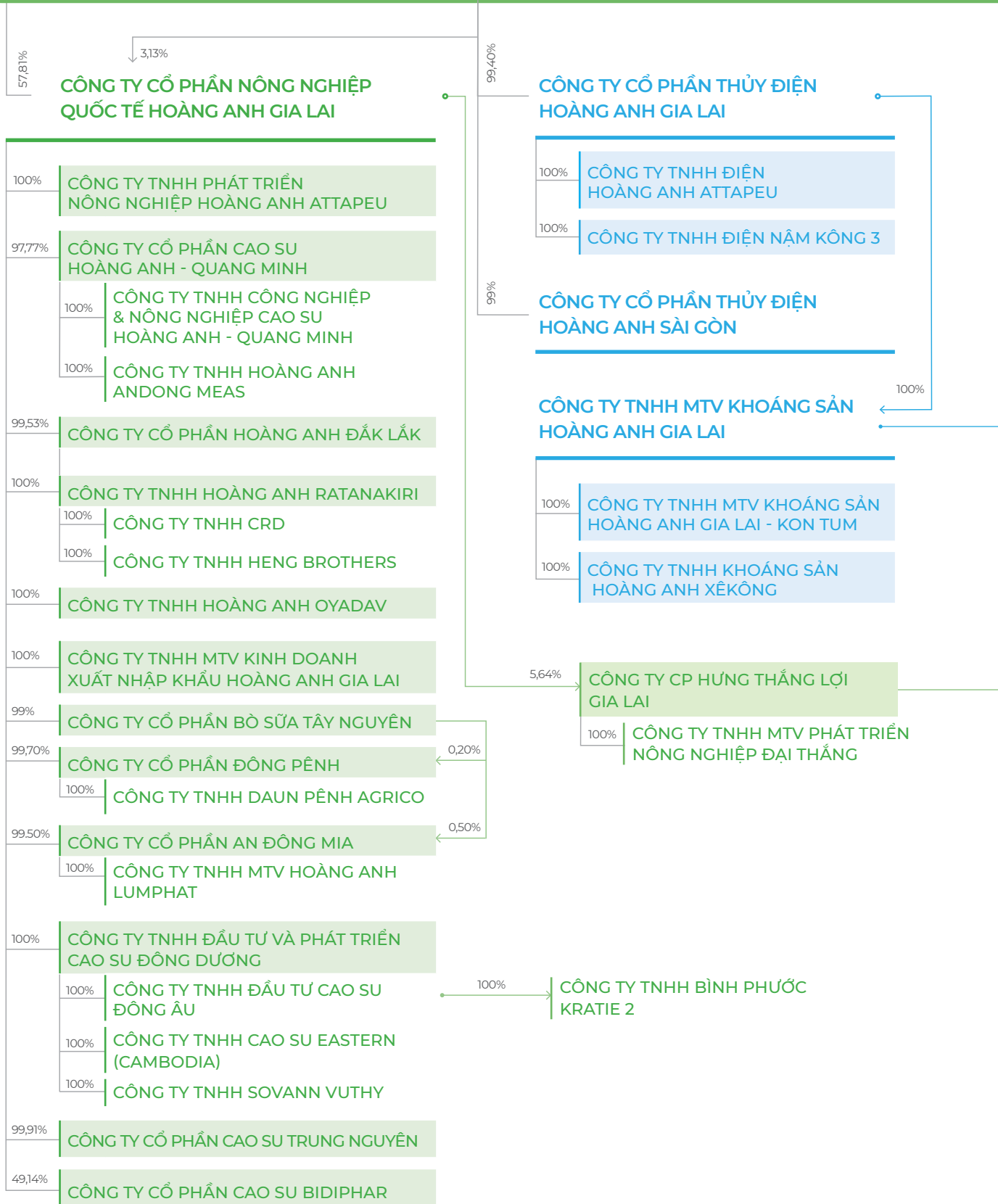


Tối ngày 08/08/2018 tại TP.HCM đã diễn ra Lễ công bố hợp tác chiến lược giữa Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần ô tô Trường Hải (Thaco), dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc; nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang; lãnh đạo Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; lãnh đạo TP.HCM và một số tỉnh, cùng lãnh đạo các bộ ngành Trung ương.

Thaco cam kết sẽ đồng hành cùng HAGL để xây dựng và phát triển Công ty nông nghiệp HAGL sớm trở thành một tập đoàn nông nghiệp có quy mô lớn theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, đồng thời đưa dự án HAGL Myanmar Center trở thành một dự án điển hình và quy mô lớn của doanh nghiệp Việt Nam tại Myanmar.

Phát biểu tại buổi lễ, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh, Thaco và HAGL không chỉ thiết lập một hình mẫu tiên tiến về ứng dụng công nghệ 4.0 trong nông nghiệp mà rộng hơn, cùng kiến tạo chuyển dịch dòng vốn đầu tư nhiều hơn vào nông nghiệp, góp phần xóa bỏ định kiến lâu nay về nền nông nghiệp Việt Nam là nền nông nghiệp nhiều rủi ro và khó có thể làm giàu. Theo Thủ tướng, sự hợp tác giữa HAGL và Thaco ví như “mối lương duyên môn đăng hộ đối”, khi mà cả đôi bên đều có những năng lực và thế mạnh riêng nhằm hỗ trợ cho nhau trên nền tảng quyết tâm cùng đóng góp cho phát triển kinh tế đất nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI





HAGL Group

47.89%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HOÀNG ANH**

100%

**CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH GIA LAI
MYANMAR**

9.50%

51%

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO
HOÀNG ANH GIA LAI**

9.50%

99%

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN
HOÀNG ANH GIA LAI**

80%

**CÔNG TY TNHH V&H
CORPORATION (LÀO)**

100%

**CÔNG TY TNHH V&H
CORPORATION**

100%

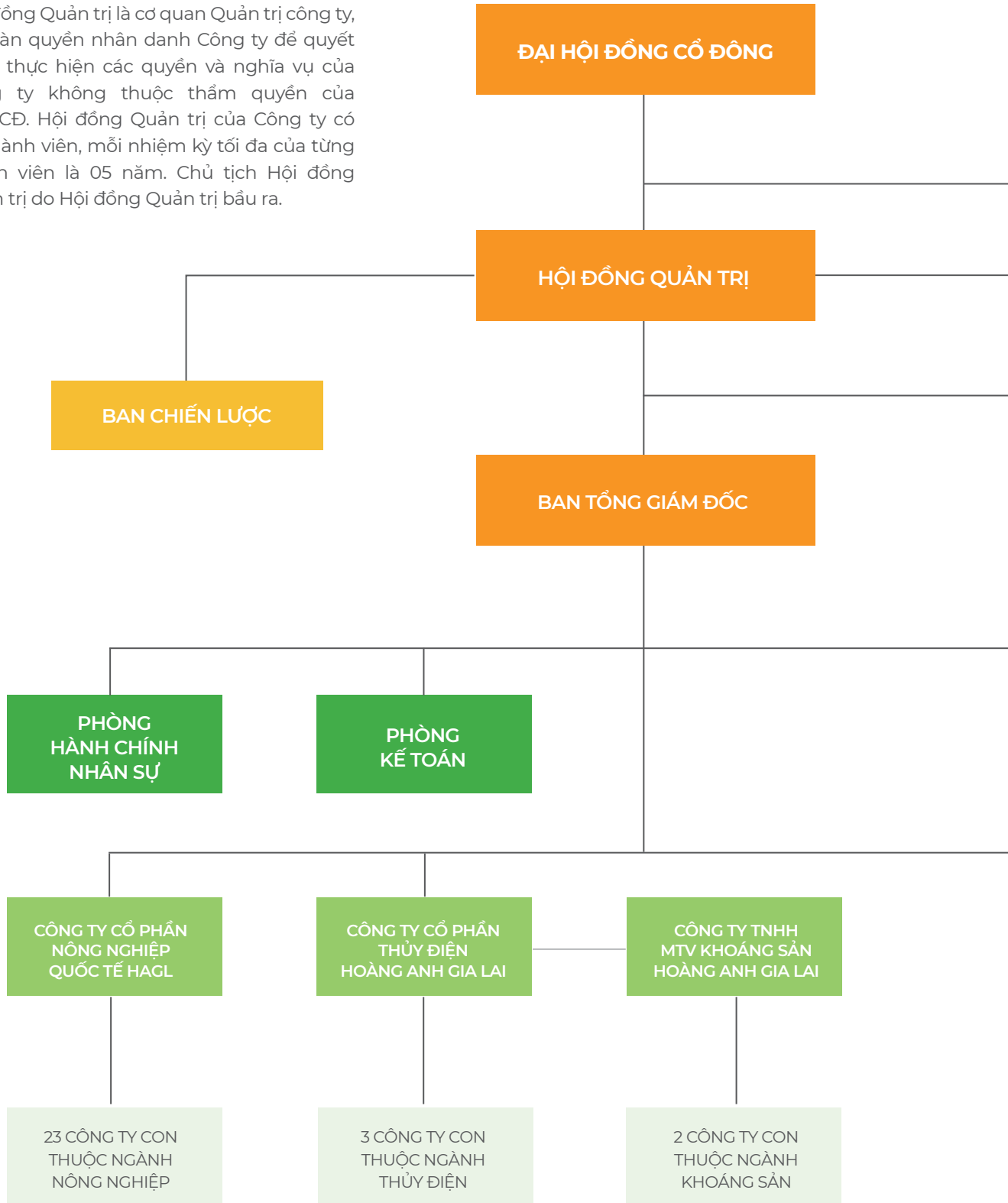
**CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH
GIA LAI VIENTIANE**

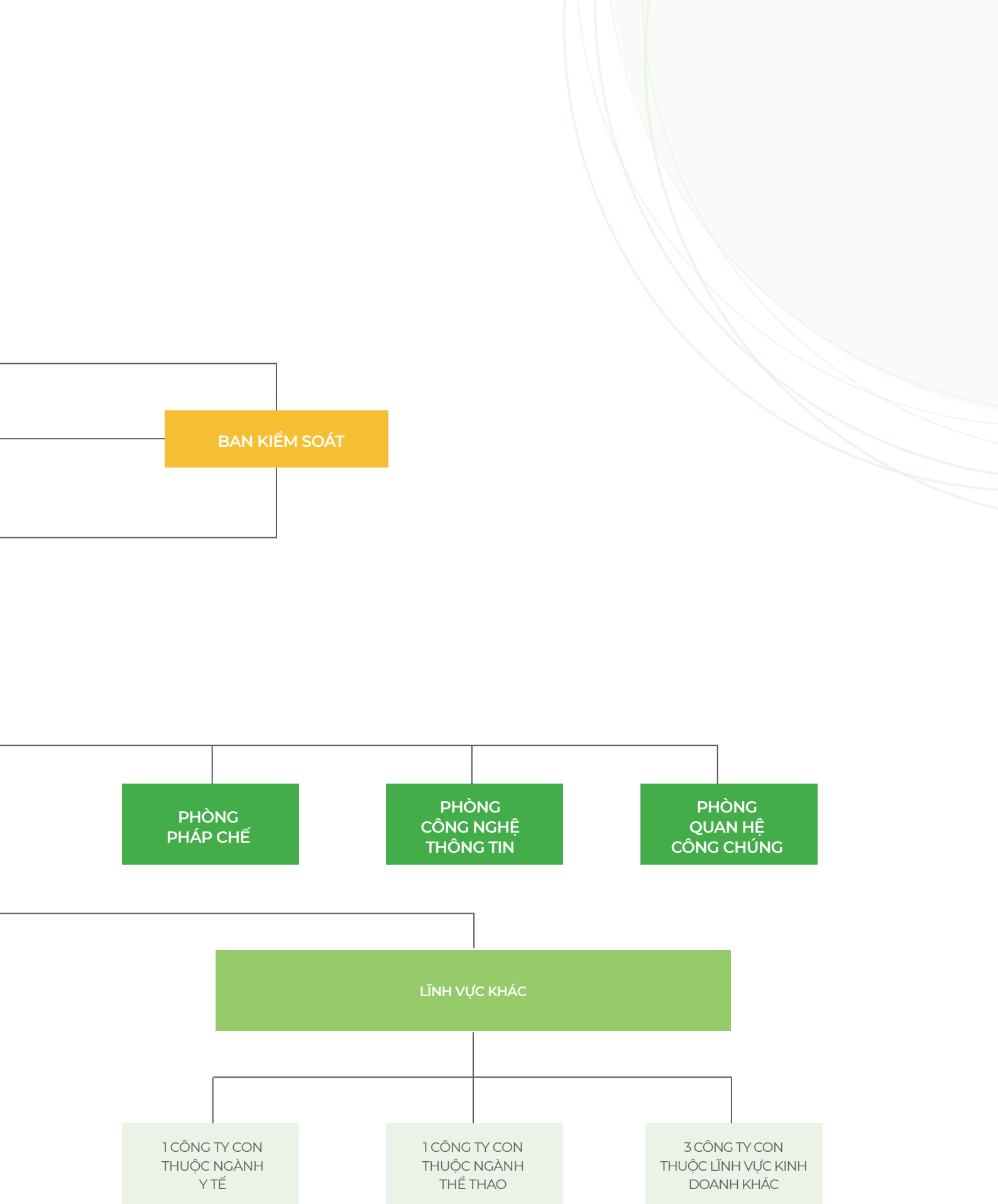
25%

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ &
TƯ VẤN XÂY DỰNG Á ĐÔNG**

Bộ máy QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị là cơ quan Quản trị công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị của Công ty có 07 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu ra.





Diện tích trồng tại
Việt Nam, Lào và Campuchia

18.675 ha

HƠN
15 loại cây

NGÀNH CÂY ĂN TRÁI:

Năm 2018, ngành cây ăn trái đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu hoạt động của HAGL với hơn 15 loại cây. Đến nay, HAGL đã trồng được 18.675 ha tại Việt Nam, Lào và Campuchia.

HAGL luôn chú trọng sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn Global GAP hoặc các tiêu chuẩn tương đương, đủ điều kiện xuất khẩu vào các thị trường khó tính như: Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu. Về thị trường tiêu thụ hiện tại, HAGL lấy thị trường Trung Quốc làm nền tảng và sẽ chiếm giữ vị trí nhà cung cấp các loại trái cây nhiệt đới lớn nhất tại thị trường này. HAGL cũng sẽ đầu tư chế biến sau thu hoạch để gia tăng giá trị sản phẩm và đa dạng hóa nguồn cung sản phẩm cho thị trường.

Trong tương lai, HAGL hướng dẫn đến tự động hóa tất cả các khâu sản xuất, từ làm đất, trồng cây, làm cỏ đến thu hoạch, đóng gói, và bảo quản sau thu hoạch. HAGL cũng sẽ đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất chế biến hiện đại, tạo ra các sản phẩm từ trái cây với chất lượng cao như nước ép trái cây cô đặc, sấy khô, và cấp đông để xuất khẩu, có tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.



CÁC SẢN PHẨM TRÁI CÂY CHỦ LỰC

Thanh long: Năm 2018, sản lượng thanh long đạt 17.848 tấn, mang lại doanh thu 553 tỷ đồng cho Tập đoàn. Các vườn thanh long đều được áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt Israel và quy trình chăm sóc theo tiêu chuẩn Global GAP để xuất khẩu.

Chuối: Tổng diện tích vườn chuối của HAGL đến cuối năm 2018 là 4.658 ha. HAGL chủ yếu xuất khẩu chuối qua đường biển và đường bộ vào Trung Quốc và sang một số nước khác như Hàn Quốc, Singapore. Sản lượng chuối năm 2018 đạt 107.689 tấn mang lại doanh thu 1.550 tỷ đồng.



NGÀNH CAO SU

Trong năm qua, HAGL duy trì ổn định và chăm sóc 47.122 ha cao su, trong đó 20.361 ha tại Lào, 4.972 tại Việt Nam và 21.789 ha tại Campuchia.

HAGL đang vận hành 01 nhà máy chế biến mủ cao su có công suất 25.000 tấn/năm tại Lào. Dự kiến đến năm 2022, toàn bộ diện tích cao su sẽ được đưa vào khai thác nếu giá mủ cao su phục hồi.



NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

Doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ của dự án Hoàng Anh Myanmar tính đến 09/2018 là 709 tỷ đồng. Vào 09/2018 THACO thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh sở hữu 51% vốn của Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển nhà Hoàng Anh để tiếp tục đầu tư vào giai đoạn 2 của dự án Hoàng Anh Myanmar Center. HAGL có kế hoạch thoái vốn.



CÁC NGÀNH NGHỀ KHÁC

Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL trong năm 2018 đã tạo ra doanh thu 255 tỷ đồng và đã có lợi nhuận. Tuy chưa góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn, nhưng Bệnh viện lại có những đóng góp quan trọng đối với xã hội, giúp HAGL tham gia nhiều hoạt động từ thiện và cũng giúp ích nhiều cho công tác chữa trị cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

Hoạt động thể thao vẫn tiếp tục được duy trì nhằm đóng góp cho sự phát triển của bóng đá Việt Nam nói riêng và cho xã hội nói chung.

Các công ty LIÊN QUAN

Tính đến 31/12/2018

STT	Công ty con	Địa chỉ theo giấy ĐKKD	Tỷ lệ (%)
Nông nghiệp			
1	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	63,33
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	859 Trường Chinh, Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	63,33
3	Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh - Quang Minh	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	61,92
4	Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Bản Chả Lăm Mây, Huyện Thà Tềng, Tỉnh Xekong, Lào	61,92
5	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	40 Hùng Vương, Phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	63,03
6	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Km 31, Huyện Sa Mak Khi Xay, Tỉnh Attapeu, Lào	63,33
7	Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Phum Bei, Srae Angkrong, Koun Mom, Ratanakiri, Campuchia	61,92
8	Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Bản số 3, Quốc lộ 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia	63,33
9	Công ty TNHH Heng Brothers	Phường Yeak Laom, Tp. Banlung, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia	63,33
10	Công ty TNHH CRD	Phường Yeak Laom, Tp. Banlung, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia	63,33
11	Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Phường Yeak Laom, Tp. Banlung, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia	63,33
12	Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	62,70
13	Công ty Cổ phần An Đông Mía	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	63,33
14	Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Làng Srepok Thum, Xã Serei Mongkol, Huyện Koun Mom, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia	63,33
15	Công ty Cổ phần Đông Pênh	859 Trường Chinh, Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	63,27
16	Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Thôn 3, Quốc lộ 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia	63,27
17	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Số 11D Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	63,33
18	Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Lầu 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	63,33
19	Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Thôn Cheung Khle, Xã Pir Thnu, Huyện Snuol, Tỉnh Kratie, Campuchia	63,33
20	Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Thôn Srae Thmei, Xã Khsum, Huyện Snuol, Tỉnh Kratie, Campuchia	63,33
21	Công ty TNHH Sovann Vuthy	Thôn Srae Thmei, Xã Khsum, Huyện Snuol, Tỉnh Kratie, Campuchia	63,33

Tính đến 31/12/2018

22	Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	63,28
23	Công ty Cổ Phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	09 Tầng Bạt Hồ, Phường Yên Đỗ, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	98,00
24	Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bản Nongeoioy, Huyện Pakse, Tỉnh Champasak, Lào	98,00
Khai khoáng			
25	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,40
26	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	394 Trần Phú, Phường Quang Trung, Tp. Kontum, Tỉnh Kontum, Việt Nam	99,40
27	Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Bản Vạt Luống, Tỉnh XeKong, Lào	99,40
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
28	Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	69,85
29	Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	238 Lê Duẩn, Phường Trà Bá, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,00
30	Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Bản Vatnacnhay, Huyện Sisattanak, Vientiane, Lào	80,00
31	Công ty TNHH V&H Corporation	Bản Vatnacnhay, Huyện Sisattanak, Vientiane, Lào	100,00
32	Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Bản Vatchan, Huyện Chanthabouly, Vientiane, Lào	100,00
Năng lượng			
33	Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	99,40
34	Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Bản Phải, Huyện Saysettha, Vientiane, Lào	99,40
35	Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Bản Vatluong, Huyện Samackhixay, Tỉnh Attapeu, Lào	99,40
36	Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	7/1 Thành Thái, Phường 14, Q. 10, TP.HCM, Việt Nam	99,00
STT Công ty liên kết Địa chỉ theo giấy ĐKKD Tỷ lệ (%)			
1	Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	49,14
2	Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	783 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam	47,89
3	Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	192 Kaba Aye Pagoda, Quận Bahan, Yangon, Myanmar	47,89
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	7/1 Thành Thái, Phường 14, Q. 10, TP.HCM, Việt Nam	25,00



PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH

Thông tin HĐQT	22	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2018	28
Thông tin Ban Tổng Giám đốc	24	Báo cáo Hội đồng Quản trị	32
Thông tin Ban Kiểm soát	25	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	34
Thông tin Ban chiến lược	25	Báo cáo của Ban kiểm soát	38
Tổ chức nhân sự	26	Quản trị công ty	42



Thông tin HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1963

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ năm 1992 đến nay:

Công tác tại Công ty cổ phần

Hoàng Anh Gia Lai

- Công tác hiện nay tại HAGL:
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai



Ông VÕ TRƯỜNG SƠN

Thành viên HĐQT kiêm TGD

Sinh năm 1973

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Thạc sĩ tài chính, bằng CFA, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ tháng 08/1996 đến tháng 11/2003: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Từ tháng 10/2008 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên HĐQT kiêm TGD

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Ông ĐOÀN NGUYỄN THU

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1977

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Fullerton, Hoa Kỳ.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1999 đến năm 2000: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Sài Gòn
- Từ năm 2003 đến năm 2004: Công tác tại Công ty TNHH Việt May
- Từ năm 2004 đến năm 2006: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
- Từ năm 2006 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không có



Ông NGUYỄN VĂN MINH

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1959

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Kỹ sư nông nghiệp

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1981 đến năm 1989: Công tác tại Phòng Nông nghiệp Huyện Đắk Tô, Tỉnh Kon Tum
- Từ năm 1989 đến năm 1992: Công tác tại Công ty Cà phê Tỉnh Gia Lai
- Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh



Bà **VÕ THỊ HUYỀN LAN**

Thành viên HĐQT
Sinh năm 1971

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM, MBA Thương mại Cao cấp HEC-Pháp, Thạc sĩ Tài chính Đại học Paris Dauphine - Pháp.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso
- Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Espace Bourbon An Lạc
- Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính Hệ thống Siêu thị Big C Việt Nam
- Từ năm 2007 đến nay: Tổng Giám đốc Jaccar Holdings

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

- Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bourbon Bến Lức
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Bà **VÕ THỊ MỸ HẠNH**

Thành viên HĐQT
Sinh năm 1977

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 2001 đến năm 2006; Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
- Từ năm 2006 đến năm 2008: Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai
- Từ tháng 01 đến tháng 04/2009: Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư và Dự án Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Tháng 04/2009: Giữ chức Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai
- Từ tháng 12/2014 đến tháng 04/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Từ tháng 02/2017 đến tháng 05/2017: Phó Giám đốc Tài chính Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai
- Tháng 05/2017 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Ông **PHAN THANH THỦ**

Thành viên HĐQT
Sinh năm 1963

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Nghệ thuật âm nhạc Huế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1984 đến năm 1992: Công tác tại Đoàn nghệ thuật Đạm San
- Từ năm 1993 đến năm 2003: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
- Từ năm 2003 đến tháng 05/2016: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên HĐQT

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không có

Thông tin **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ông **VŨ TRƯỜNG SƠN**

Thành viên HĐQT kiêm TGD

Sinh năm 1973

(Xem thông tin trang 22)



Ông **ĐOÀN NGUYỄN THU**

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1977

(Xem thông tin trang 22)



Ông **NGUYỄN VĂN MINH**

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1959

(Xem thông tin trang 22)



Bà **HỒ THỊ KIM CHI**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1976

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Quản trị kinh doanh.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1998 đến năm 2006: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
- Từ năm 2006 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL

Phó Tổng Giám đốc

Thông tin BAN KIỂM SOÁT



Bà ĐỖ TRẦN THÙY TRANG

Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm 1970

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật,
Chứng chỉ kiểm toán viên.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1992 đến năm 2007: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C
- Từ năm 2008 đến năm 2012: Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông
- Từ năm 2012 đến năm 2014: Phó Giám đốc phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông
- Từ năm 2015 đến tháng 05/2017: Phó Giám đốc phụ trách tài chính Công ty Cổ phần Bò Đồng Dương
- Từ tháng 06/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo

Công tác hiện nay tại HAGL

Trưởng Ban kiểm soát



Ông NGUYỄN TẤN ANH

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm 1970

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân, Thạc sĩ.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1995 đến 2005: Phóng viên Báo Thanh niên
- Từ năm 2005 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Từ tháng 04/2016 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh
- Từ tháng 11/2018 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên Ban kiểm soát



Bà NGUYỄN THỊ HUỖN

Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm 1974

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân ngoại ngữ.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Từ năm 1996 đến năm 1998: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
- Từ năm 1998 năm 2001: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn
- Từ năm 2001 đến năm 2007: Công tác tại Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai tại Singapore
- Từ năm 2007 đến năm 2008: Công tác tại Resort Hoàng Anh Quy Nhơn - Trợ lý Giám đốc
- Từ năm 2008 đến năm 2013: Công tác tại CTCP XD&PT Nhà Hoàng Nguyên
- Từ năm 2013 đến nay: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Công tác hiện nay tại HAGL

Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin BAN CHIẾN LƯỢC

Ông LÝ XUÂN HẢI

Trưởng Ban chiến lược

Sinh năm 1965

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Tiến sỹ Toán - Lý, Thạc sỹ (MBA) kinh tế về tài chính ngân hàng, Đại học Paris - Dauphine.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Từ năm 1995 đến năm 2012: Ngân hàng TMCP Á Châu
- Từ năm 2002 đến năm 2004: Công ty chứng khoán ACB
- Từ năm 2007 đến nay : Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Tổ chức NHÂN SỰ



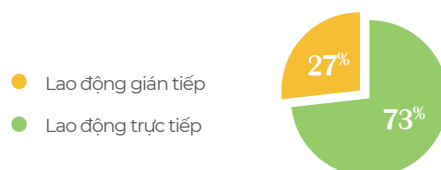
Hình ảnh tại ĐHĐCĐ thường niên 2018.

Xác định “CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG”, là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, HAGL đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản. Đây chính là động lực giúp HAGL vượt qua khó khăn, vững bước trên chặng đường phía trước.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Tập đoàn HAGL được tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con bao gồm các công ty con: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế HAGL và nhiều công ty khác thuộc lĩnh vực nông nghiệp, cơ khí, y tế, thể thao...

Trong giai đoạn 2013 - 2018, HAGL đã tiến hành thực hiện tái cấu trúc, tập trung phát triển ngành chính là Nông nghiệp. Tổng số lao động của năm 2018 là 13.666 người; trong đó lao động nông nghiệp là 11.315 người; tổng số lao động gián tiếp là 3.663 người và lao động trực tiếp là 10.003 người.



13.666 NGƯỜI
Tổng số lao động của năm 2018

11.315  Lao động nông nghiệp



HAGL chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Tại Tập đoàn HAGL, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả cán bộ nhân viên trong Tập đoàn đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỉ luật cao. Ban lãnh đạo Công ty ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy tính sáng tạo. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, cạnh tranh lành mạnh, thân thiện và gắn kết.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

HAGL chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Bên cạnh đó, HAGL ưu tiên tuyển chọn những cá nhân tài năng, những chuyên gia đầu ngành giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước. HAGL tự hào có được đội ngũ nhân viên đạo đức, trình độ chuyên môn, luôn đoàn kết và đầy nhiệt huyết.

Hàng năm, HAGL thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ, quy trình làm việc mới. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, công ty luôn quan tâm đào tạo nâng cao kiến thức, trau dồi kỹ năng chuyên môn; tiếp cận và ứng dụng các phương pháp quản lý tiên tiến.



CHẾ ĐỘ LƯƠNG THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

HAGL xây dựng chính sách lương thưởng dựa theo các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp phù hợp với giá trị tạo ra của từng vị trí công việc. Các chế độ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tập đoàn tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ công nhân viên tại Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai với chính sách: hỗ trợ 50% chi phí khám chữa bệnh định kỳ cho nhân viên, 100% chi phí cho những trường hợp tai nạn trong quá trình lao động.

HAGL tổ chức xe đưa đón công nhân, cấp chung cư cho cán bộ, chuyên gia công tác xa nhà, xây dựng các khu nhà tập thể, nhà riêng cho hộ gia đình có hai người làm việc cho nông, công trường; lắp đặt các trang thiết bị cần thiết như internet, hệ thống cáp truyền hình... đến những nông trường xa xôi nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho công việc và giải trí của người lao động.

Báo cáo

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Trong năm 2018,
tổng doanh thu của HAGL đạt

5.388 TỶ ĐỒNG

↑ **11,3%**

Tăng so với năm 2017

CHỈ TIÊU	Năm 2018 (Tỷ VND)	Năm 2017 (Tỷ VND)	Tăng/ (Giảm) so với năm 2017 (%)
Doanh thu thuần	5.388	4.841	11,3
Lợi nhuận trước thuế	48	430	(88,8)
Lợi nhuận sau thuế	6	372	(98,4)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	118	70	68,6

Doanh thu bán trái cây đạt 2.897 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 53,8% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 1.599 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 55,2%. Đây là mảng đóng góp chính vào sự tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2018 và những năm sau.

Doanh thu bán ổi đạt 514 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 9,5% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 161 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 31,3%. Đây là loại cây đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2018.

Doanh thu dịch vụ cho thuê đạt 509 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 9,4% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 282 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 55,3%. Chủ yếu từ khu phức hợp Hoàng Anh - Myanmar.

Doanh thu bán hàng hóa đạt 470 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 8,7% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 310 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 66,0%. Chủ yếu cung cấp vật tư hàng hóa cho ngành nông nghiệp.

Doanh thu dịch vụ cung cấp khác đạt 407 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 7,6% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 39 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 9,5%. Chủ yếu từ dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai, kinh doanh khách sạn và quảng cáo, ...

Doanh thu bán mủ cao su đạt 345 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 6,4% trong tổng doanh thu. Giá mủ cao su có tăng nhưng mức tăng không nhiều nên HAGL khai thác ở mức vừa phải để dưỡng cây đợi giá tăng lên ở mức phù hợp sẽ khai thác mạnh.

Doanh thu bán bò đạt 127 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 2,4% trong tổng doanh thu. HAGL không ưu tiên dùng vốn lưu động để tài trợ cho ngành bò (ưu tiên cho mảng trái cây), chỉ duy trì đàn bò ở mức dùng để tận dụng nguồn phân cung cấp cho mảng nông nghiệp.

Doanh thu bất động sản đầu tư đạt 58 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 1,1% trong tổng doanh thu. HAGL đã khai thác/ bán hầu hết căn hộ và chỉ phát sinh doanh thu từ một số căn hộ còn lại sẵn sàng để bán.

Doanh thu tiêu và hợp đồng xây dựng đạt 61 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 1,1% trong tổng doanh thu.

Doanh thu **2.897** TỶ ĐỒNG **55,2%**
Biên lợi nhuận gộp

Doanh thu **514** TỶ ĐỒNG **31,3%**
Biên lợi nhuận gộp

Doanh thu **509** TỶ ĐỒNG **55,3%**
Biên lợi nhuận gộp

Doanh thu **470** TỶ ĐỒNG **66,0%**
Biên lợi nhuận gộp

Doanh thu **407** TỶ ĐỒNG **7,6%**
Tỷ trọng trong tổng doanh thu

Doanh thu **345** TỶ ĐỒNG **6,4%**
Tỷ trọng trong tổng doanh thu

Doanh thu **127** TỶ ĐỒNG **2,4%**
Tỷ trọng trong tổng doanh thu

Doanh thu **58** TỶ ĐỒNG **2,4%**
Tỷ trọng trong tổng doanh thu

Doanh thu **61** TỶ ĐỒNG **1,1%**
Tỷ trọng trong tổng doanh thu

Báo cáo

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Khâu đóng gói sản phẩm.

CHỈ TIÊU	Năm 2018 (Tỷ VND)	Năm 2017 (Tỷ VND)	Tăng/ (Giảm) so với năm 2017 (%)
Tổng giá trị tài sản	48.111	53.062	(9,3)
Vay ngắn hạn	4.733	2.529	87,1
Trái phiếu chuyển đổi	2.217	-	-
Vay dài hạn	14.804	20.296	(27,1)
Nợ phải trả khác	9.547	12.449	(23,3)
Doanh thu thuần	5.388	4.841	11,3

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại ngày 31/12/2018, tổng giá trị tài sản là 48.111 tỷ đồng, giảm 9,3% tương đương giảm 4.951 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017. Các khoản phải thu về cho vay giảm trong năm chủ yếu là khoản cho vay các bên liên quan giảm và do HAGL không còn hợp nhất nhóm công ty ngành bất động sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại ngày 31/12/2018, tổng nợ phải trả là 31.301 tỷ đồng, giảm 11,3% tương đương giảm 3.973 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017. Các khoản phải trả khác giảm trong năm chủ yếu là khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan giảm và phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh giảm. Ngoài ra, có khoản nợ trái phiếu chuyển đổi 2.217 tỷ đồng, theo thỏa thuận Đầu tư và Hợp tác toàn diện thì trái chủ là Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO") cam kết sẽ chuyển đổi gói trái phiếu này thành vốn vào ngày đáo hạn là ngày 09/08/2019.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN



CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,50	0,71
Hệ số thanh toán nhanh	0,39	0,62
Cơ cấu vốn		
Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	0,45	0,43
Hệ số nợ vay/ Vốn chủ sở hữu	1,29	1,28
Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,1%	7,7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,0%	2,1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,0%	0,7%
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	17,5%	17,1%

Báo cáo HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Cây ăn trái: Kết quả rất khả quan. Đây là ngành kinh doanh chủ lực của Tập đoàn, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu và có tỷ suất lợi nhuận cao. Đến cuối năm 2018 HAGL đã trồng được hơn 15 loại cây ăn trái tại 03 nước Việt Nam, Lào, Campuchia với tổng diện tích 18.675 ha. Trong đó, các loại cây chủ lực bao gồm chuối, mít, xoài, bưởi, thanh long. Trong thời gian tới, HAGL sẽ đẩy mạnh tăng diện tích cây ăn trái, sản xuất theo tiêu chuẩn Global GAP để xuất khẩu, nâng cao giá trị sản phẩm. Với lợi thế về quy mô, HAGL có thể làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài, có thể tạo ra lợi nhuận không chỉ ở khâu trồng mà có thể từ toàn bộ chuỗi giá trị, cắt giảm các khâu trung gian so với nông dân.

Ngành cao su: Giá cao su trên thế giới vẫn còn nhiều biến động khó lường, hiện vẫn đang ở mức thấp. Với mức giá trong năm 2018 thì việc khai thác mủ cao su không có lợi nhuận, và HAGL nhận định giá mủ cao su chưa có dấu hiệu phục hồi vững chắc trong năm 2019. Vì vậy, HAGL dự kiến sẽ không đẩy mạnh khai thác mủ trong năm 2019, mà sẽ chủ yếu thực hiện bảo quản vườn cây, chống cháy, chờ cơ hội giá mủ cao su phục hồi, hoặc tối thiểu là cũng có thể khai thác gỗ trong tương lai để thu hồi vốn đầu tư.

Ngành chăn nuôi: HAGL chủ trương thu hẹp dần quy mô ngành chăn nuôi, tập trung ưu tiên nguồn vốn và lực lượng lao động cho mảng cây ăn trái.

Ngành bất động sản: HAGL hiện đang sở hữu 47,89% cổ phần trong dự án Hoàng Anh Myanmar. HAGL có chủ trương sẽ thoái vốn dự án này để trả bớt nợ và giải quyết nhu cầu thanh khoản của Tập đoàn.

Bệnh viện, bóng đá: Được xem là công cụ để HAGL tham gia đóng góp cho xã hội, làm công tác từ thiện. Ngoài ra, bệnh viện và bóng đá còn giúp HAGL quảng bá hình ảnh, xây dựng thiện cảm từ công chúng và các tầng lớp xã hội đối với Tập đoàn.

Về tài chính: HAGL đã và đang thu xếp nguồn vốn và dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đầu tư phát triển cây ăn trái để tạo nguồn thu trong tương lai. Bán bớt tài sản là giải pháp khả thi mà HAGL đã và đang thực hiện. HAGL đang thực hiện theo phương châm “tinh gọn mà hiệu quả”, bán bớt những tài sản không hiệu quả những tài sản không thuộc lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tập trung nguồn lực làm tốt mảng cây ăn trái.

Về hệ thống quản trị: HAGL đang tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo, tăng cường quản lý theo ngành nghề kinh doanh và thực hiện quản trị chiến lược bao gồm hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá chiến lược.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Thông qua các cuộc họp hàng Quý và khi được yêu cầu, Hội đồng Quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; yêu cầu Ban Tổng Giám đốc thường xuyên chủ động báo

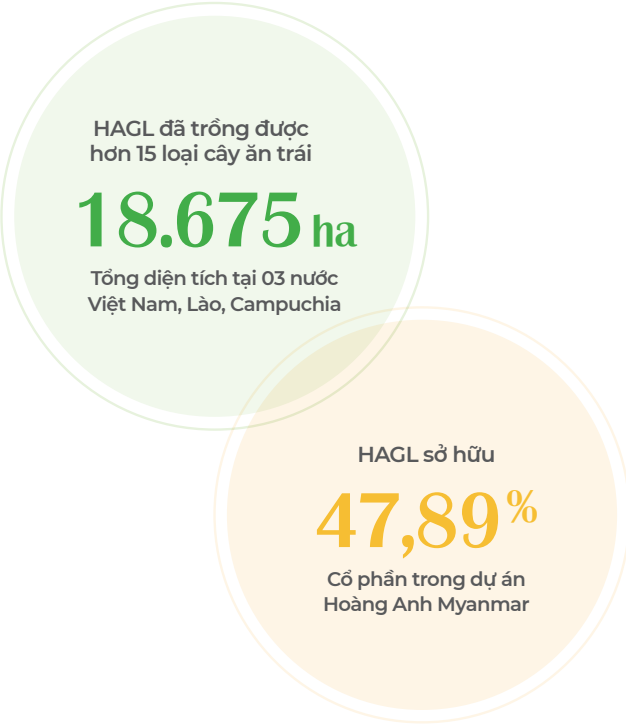
cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Theo đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tuy chưa hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận được giao trong năm 2018 do nhiều yếu tố khách quan, nhưng Ban Tổng Giám đốc cũng đã nỗ lực thực hiện tốt công tác tài chính và đầu tư, đặc biệt là giải quyết nhu cầu thanh khoản, trả các khoản nợ đến hạn và thu xếp được nguồn vốn để mở rộng diện tích cây ăn trái, tạo nền tảng cho sự tồn tại và phát triển Tập đoàn trong thời gian tới. Hội đồng Quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc cũng đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành. Hội đồng Quản trị nhận xét rằng các thành viên Ban Tổng Giám đốc có đủ các phẩm chất và kỹ năng cần thiết để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục rà soát các mảng hoạt động kinh doanh, bán bớt các tài sản kém hiệu quả, tập trung vào phát triển mảng cây ăn trái, mở rộng thị trường xuất khẩu trái cây, đầu tư công nghệ chế biến, duy trì bảo quản tốt vườn cây cao su. Hội đồng Quản trị cũng sẽ xúc tiến thoái phần vốn còn lại trong dự án Hoàng Anh Myanmar, bán bớt một số tài sản dôi dư để tạo nguồn thanh khoản trả các khoản nợ đến hạn và đầu tư tăng diện tích cây ăn trái.

Về công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo rà soát và hoàn thiện các quy trình quản trị, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chống thất thoát trong đầu tư, kinh doanh, hạ giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của Tập đoàn.



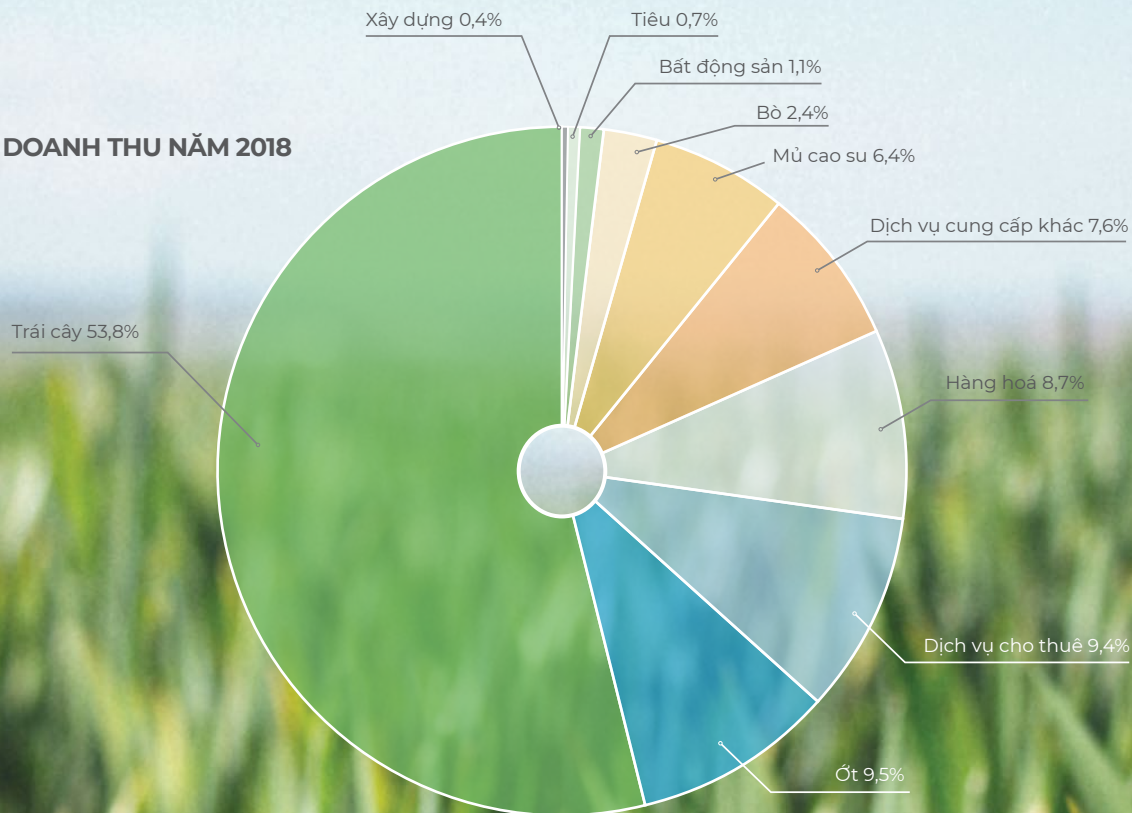
Báo cáo và đánh giá CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018, tổng doanh thu đạt 5.388 tỷ đồng, tăng 11,3% so với năm 2017. Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực ngành nghề như sau:

Ngành kinh doanh	Năm 2018		Năm 2017		Năm 2016	
	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)
Trái cây	2.897	53,8	1.612	33,3	-	-
Ốt	514	9,5	25	0,5	-	-
Dịch vụ cho thuê	509	9,4	724	14,9	460	6,9
Sản phẩm, hàng hóa	470	8,7	440	9,1	691	10,3
Dịch vụ cung cấp khác	407	7,6	607	12,5	329	4,9
Mủ cao su	345	6,4	454	9,4	114	1,7
Bò	127	2,4	759	15,7	3.471	51,7
Bất động sản đầu tư	58	1,1	59	1,2	207	3,1
Tiêu	38	0,7	-	-	-	-
Xây dựng	23	0,4	80	1,7	88	1,3
Mía đường	-	-	81	1,7	469	7,0
Bắp	-	-	-	-	136	2,0
Chuyển nhượng bất động sản	-	-	-	-	747	11,1
Tổng doanh thu	5.388		4.841		6.712	

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2018



Trong đó:

- **Doanh thu bán trái cây** đạt 2.897 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 53,8% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 1.599 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 55,2%. Đây là mảng đóng góp chính vào sự tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2018 và những năm sau.
- **Doanh thu bán ổi** đạt 514 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 9,5% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 161 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 31,3%. Đây là loại cây đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2018.
- **Doanh thu dịch vụ cho thuê** đạt 509 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 9,4% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 282 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 55,3%. Chủ yếu từ khu phức hợp Hoàng Anh - Myanmar.
- **Doanh thu bán hàng hóa** đạt 470 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 8,7% trong tổng doanh thu. Số lợi nhuận gộp đạt 310 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 66,0%. Chủ yếu cung cấp vật tư hàng hóa cho ngành nông nghiệp.
- **Doanh thu dịch vụ cung cấp khác** đạt 407 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 7,6% trong tổng doanh thu.

thu. Số lợi nhuận gộp đạt 39 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp đạt 9,5%. Chủ yếu từ dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai, kinh doanh khách sạn và quảng cáo, ...

- **Doanh thu bán mủ cao su** đạt 345 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 6,4% trong tổng doanh thu. Giá mủ cao su có tăng nhưng mức tăng không nhiều nên HAGL khai thác ở mức vừa phải để dưỡng cây đợi giá tăng lên ở mức phù hợp sẽ khai thác mạnh.
- **Doanh thu bán bò** đạt 127 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 2,4% trong tổng doanh thu. HAGL không ưu tiên dùng vốn lưu động để tài trợ cho ngành bò (ưu tiên cho mảng trái cây), chỉ duy trì đàn bò ở mức dùng để tận dụng nguồn phân cung cấp cho mảng nông nghiệp.
- **Doanh thu bất động sản đầu tư** đạt 58 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 1,1% trong tổng doanh thu. HAGL đã khai thác / bán hầu hết căn hộ và chỉ phát sinh doanh thu từ một số căn hộ còn lại sẵn sàng để bán.
- **Doanh thu tiêu và hợp đồng xây dựng** đạt 61 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 1,1% trong tổng doanh thu.

Báo cáo và đánh giá CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2018 giảm 9,3% so với năm 2017, tương đương giảm 4.951 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Biến động	%
Tài sản ngắn hạn	6.568	8.815	(2.247)	(25,5)
Tài sản dài hạn	41.543	44.247	(2.704)	(6,1)
Tổng tài sản	48.111	53.062	(4.951)	(9,3)

Tổng tài sản năm 2018 giảm so với năm 2017, các khoản mục trên bảng cân đối kế toán không biến động lớn. Riêng khoản phải thu về cho vay giảm, chủ yếu là khoản cho vay các bên liên quan.

Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả năm 2018 giảm 11,3% so với năm 2017, tương đương giảm 3.973 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Biến động	%
Nợ ngắn hạn	13.137	12.378	759	6,1
• Vay ngắn hạn	4.733	2.529	2.204	87,1
• Trái phiếu chuyển đổi (*)	2.217	-	2.217	-
• Nợ phải trả ngắn hạn khác	6.187	9.849	(3.662)	(37,2)
Nợ dài hạn	18.164	22.896	(4.732)	(20,7)
• Vay dài hạn	14.804	20.296	(5.492)	(27,1)
• Nợ phải trả dài hạn khác	3.360	2.600	760	29,2
Tổng nợ phải trả	31.301	35.274	(3.973)	(11,3)

(*) Theo thỏa thuận Đầu tư và Hợp tác toàn diện thì trái chủ là Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO") cam kết sẽ chuyển đổi gói trái phiếu này thành vốn vào ngày đáo hạn là 09/08/2019.

Cơ cấu nợ phải trả và vốn chủ sở hữu (Tỷ VND)

● Nợ phải trả ● Vay ● Vốn chủ sở hữu



Với hệ số vay trên tổng tài sản 0,43 lần vào cuối năm 2017 so với 0,45 lần vào cuối năm 2018 và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu 1,28 lần vào cuối năm 2017 so với 1,29 lần vào cuối năm 2018, cho thấy tình hình khả năng thanh toán nợ của HAGL tuy chưa có sự thay đổi lớn nhưng thể hiện sự khó khăn được giảm bớt, dần ổn định và hồi phục, khó khăn về mặt tài chính của công ty đang được cải thiện khi đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải vào ngày 08/08/2018.

Báo cáo CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT



STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2018)
1	Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng BKS	0,00% (Miễn nhiệm Thành viên BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2018 ngày 23/06/2018)
2	Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS	0,00% (Được bầu là Thành viên BKS ngày 23/06/2018 và bầu làm Trưởng BKS ngày 18/07/2018)
3	Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên BKS	0,00%
4	Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	0,01%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành, trong năm 2018, BKS đã giám sát HĐQT, Ban TGD theo các nội dung sau:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, theo đó BKS nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế, tham gia chất vấn và đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Đánh giá việc quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Ban TGD theo kế hoạch và chiến lược đề ra phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Đánh giá thông tin trong các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với quy định hiện hành;
- Thảo luận với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính;
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018

Trong năm, Công ty đã thực hiện các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Đã tiến hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Đã mời gọi được đối tác cùng tham gia đầu tư vào Giai đoạn 2 và vận hành khai thác dự án Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center;
- Kết quả kinh doanh năm 2018: Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế chỉ đạt 23,85% kế hoạch đã thông qua tại nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 do nhiều yếu tố khách quan;
- Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2018: Chưa phát sinh.



Khu phức hợp HAGL Myanmar.

Kiểm tra tình hình tài chính năm 2018

BKS đã thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán, thiết lập các quy trình làm việc với kiểm toán độc lập và các vấn đề khác cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Theo đó, BKS đã tham gia tích cực vào quy trình phát hành báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cuối năm của Công ty. BKS rà soát, phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính và thông báo kết quả soát xét đến HĐQT. Trong đó có nêu các vấn đề cần lưu ý sau:

- Việc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu từ các bên liên quan tại thời điểm

31/12/2018 với số tiền 2.593.250.868 ngàn đồng gặp nhiều khó khăn do các bên liên quan của công ty đang vận hành nhiều dự án kinh doanh khá đa dạng như bất động sản, trồng trọt, chăn nuôi với khối tài sản đa dạng, trong đó nhiều dự án đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên chưa tạo ra lợi nhuận và dòng tiền thặng dư, gây khó khăn cho việc xác định giá trị tài sản và dòng tiền trả nợ cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng khi các dự án kinh doanh của các bên liên quan này đi vào vận hành thương mại và có lợi nhuận thì việc đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu sẽ trở nên dễ dàng hơn.

Báo cáo CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



- Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc và tình hình hoạt động kinh doanh chưa thuận lợi nên phát sinh khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2018 là 36.434.976 ngàn đồng và nợ ngắn hạn tại ngày này đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 6.568.828.675 ngàn đồng. Ngoài ra Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục. Tuy nhiên, Công ty đã lập dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ các dự án đang triển khai và tái cơ cấu một số khoản đầu tư mà theo

đó, Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Hơn nữa, vào ngày 03/08/2019, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc huy động vốn tài trợ các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty và tái cơ cấu tài chính. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài các vấn đề cần lưu ý trên, BKS đánh giá Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cuối năm được trình bày trung thực, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.



GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD

Trong năm 2018, BKS đã tham dự các cuộc họp của HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, theo đó BKS nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế và tình hình thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

BKS cũng đã thực hiện việc giám sát điều hành của Ban TGD thông qua việc lập kế hoạch, thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Từ kết quả của các cuộc kiểm toán, BKS đã nêu nhiều ý kiến để Ban TGD hoàn thiện hệ thống quản lý, hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

BKS không nhận yêu cầu kiểm tra hoặc khiếu nại nào từ cổ đông.

LỰA CHỌN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BKS duy trì phối hợp với EY, các dịch vụ tư vấn khác không làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên độc lập trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2018, mức chi thù lao của Ban kiểm soát như sau:

1. Trưởng Ban: 8.000.000 đồng/tháng.
2. Thành viên: 6.000.000 đồng/tháng.

Tổng mức chi thù lao

BKS năm 2018 là 240.000.000 đồng.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Nhằm thực hiện nhiệm vụ của BKS theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS dự kiến kế hoạch thực hiện như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc quản lý và điều hành Công ty của HĐQT và Ban TGD;
- Kiểm tra, đánh giá các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty;
- Các vấn đề khác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày 08/04/2019	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	326.730.533	35,23
2	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	803.654	0,09
3	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	-	0,00
4	Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	1	0,00
5	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	5.000.006	0,54
6	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	2.870.057	0,31
7	Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	29.426	0,00

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày 08/04/2019	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	145.159	0,016

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm Soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày 08/04/2019	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng ban	-	-
2	Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	-	-
3	Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	63.140	0,01

Cổ đông lớn thời điểm 08/04/2019

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	230046495	147 Trần Phú, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	326,730,533	35.23

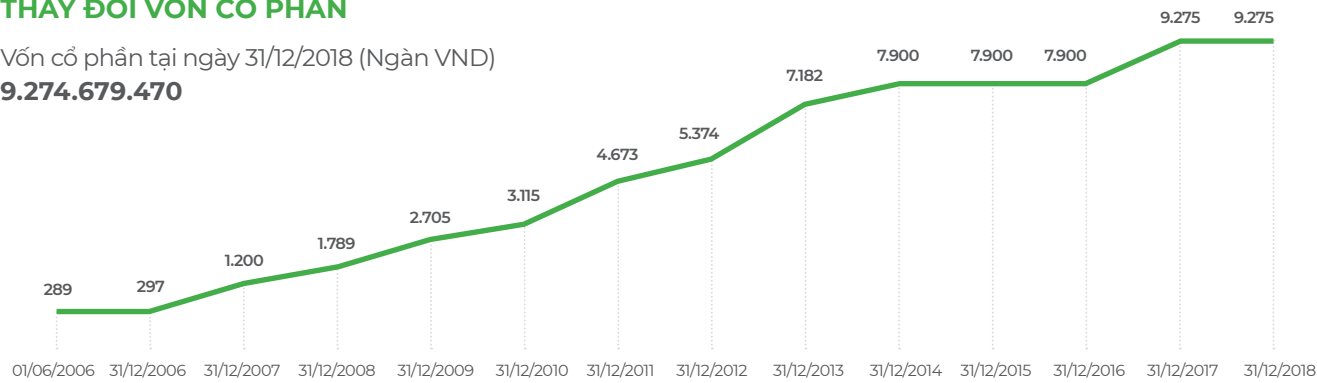
Cơ cấu cổ đông (tại ngày 08/04/2018)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	334.600.596	36,08			
	• Trong nước	334.600.596	36,08	3		3
	• Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	326.730.533	35,23			
	• Trong nước	326.730.533	35,23	1		1
	• Nước ngoài					
4	Công đoàn Công ty					
	• Trong nước					
	• Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	68.664	0	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	592.798.687	63,92	24.206	144	24,062
	• Trong nước	574.617.335	61,96	23.609	96	23,513
	• Nước ngoài	18.181.352	1,96	597	48	549
TỔNG CỘNG		927.467.947	100	24.210	145	24,065
Trong đó : • Trong nước		909.286.595	98,0	23.613	97	23,516
• Nước ngoài		18.181.352	1,96	597	48	549

THAY ĐỔI VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2018 (Ngàn VND)

9.274.679.470



Quá trình tăng vốn qua từng năm (Tỷ VND)

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU THEO TỪNG LOẠI

927.467.947

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành

927.467.947

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ

68.664

Số lượng cổ phiếu quỹ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Người trong nội bộ	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	324.765.533	35,02%	326.730.533	35,23%	Mua và bán cổ phiếu
2	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	6.457.456	0,70%	5.000.006	0,54%	Bán cổ phiếu
3	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	3.370.057	0,36%	2.870.057	0,31%	Bán cổ phiếu



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2018, HĐQT đã thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch được giao;
- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, đặt biệt là công tác quản lý Công ty nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2017; và các Báo cáo tài chính năm 2018.
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 vào ngày 23/06/2018;
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật;
- Ngoài ra HĐQT tham gia giám sát các hoạt động khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	7	100%	N/A
2	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	7	100%	N/A
3	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	7	100%	N/A
4	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	7	100%	N/A
5	Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên HĐQT	7	100%	N/A
6	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT	7	100%	N/A
7	Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	7	100%	N/A

Các Nghị Quyết của HĐQT trong năm 2018

Trong năm, Hội đồng Quản trị tổ chức các cuộc họp với các nội dung sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	2601/18/NQHĐQT-HAGL	26/01/2018	Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Thủy điện Sài Gòn
2	1603/18/NQHĐQT-HAGL	16/03/2018	Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua phương án mua cổ phần của Công ty cổ phần Hưng Thắng Lợi
3	2703/18/NQHĐT-HAGL	27/03/2018	Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc
4	1705/18/NQHĐQT-HAGL	17/05/2018	Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2018
5	1307/18/NQHĐQT-HAGL	13/07/2018	Hội đồng Quản trị thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ
6	0308-1/18/NQHĐQT-HAGL	03/08/2018	Hội đồng Quản trị triển khai xin ý kiến ĐHCĐ bằng văn bản về phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu năm 2018 cho nhà đầu tư chiến lược
7	1110/18/NQHĐQT-HAGL	11/10/2018	Hội đồng Quản trị thông qua việc hủy niêm yết chứng chỉ lưu ký toàn cầu đã được giao dịch và niêm yết trên sàn Chứng khoán Luân Đôn ngày 23/03/2011

DANH SÁCH CÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay, thành viên HĐQT Công ty đã tham gia và đạt chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo quản trị Công ty là 4/7 thành viên;

Ban Tổng Giám đốc đã tham gia và đạt chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo quản trị Công ty là 4/4 thành viên (1: Tổng Giám đốc điều hành; 3: Phó Tổng Giám đốc);

Trong thời gian tới, Công ty sẽ sắp xếp để các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Thư ký và các cán bộ quản lý chưa có chứng chỉ tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN THƯ KÝ

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Ban thư ký như sau:

Đơn vị: VND	
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	11.558.691.000
Ban kiểm soát	1.008.000.000
Ban thư ký	401.333.000
TỔNG CỘNG	12.968.024.000

Minh bạch, công khai và thường xuyên cập nhật thông tin đến các cổ đông, nhà đầu tư luôn được lãnh đạo Tập đoàn HAGL chú trọng. Việc công bố thông tin doanh nghiệp của Tập đoàn đảm bảo tính công bằng trong việc tiếp cận số liệu cho mọi đối tượng nhà đầu tư với thông điệp nhất quán, đồng thời lắng nghe ý kiến phản hồi để hiểu phản ứng của thị trường thông qua các kênh chính thức:

Cung cấp thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, website của Công ty tại địa chỉ: www.hagl.com.vn, website của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và các kênh truyền thông khác.

Lãnh đạo Tập đoàn trao đổi, lắng nghe ý kiến của các cổ đông, nhà đầu tư thông qua các buổi gặp gỡ trực tiếp, tham quan dự án, hội nghị các nhà đầu tư, trao đổi qua điện thoại, nhằm giúp cho họ có cái nhìn toàn diện về Tập đoàn, từ đó có thể đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời.

QUẢN LÝ RỦI RO

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Bản chất

Giá cả các sản phẩm đầu ra của ngành trồng trọt và chăn nuôi của Tập đoàn như cao su, cây ăn trái, gia vị và thịt bò... đều có liên thông với thị trường thế giới và biến động hằng ngày, hàng giờ. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến mức lợi nhuận, dòng tiền và tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

Hiện thị trường Trung Quốc đang phát triển rất mạnh mẽ và đẩy cơ hội nhưng việc HAGL tập trung xuất khẩu vào một thị trường là tiềm ẩn rủi ro.

Ngành bất động sản chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi của thị trường tài chính và tình hình kinh tế vĩ mô, do đó những biến động bất lợi của nền kinh tế có thể dẫn đến suy giảm tính thanh khoản của thị trường bất động sản cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến giá bán của sản phẩm tại dự án Myanmar.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ để nâng cao năng suất đảm bảo nhất quán chất lượng sản phẩm áp dụng trong tất cả các ngành nghề kinh doanh. Tập đoàn luôn kiểm soát đảm bảo chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Vì vậy, biên độ lợi nhuận của các sản phẩm đầu ra đủ lớn để có thể duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Ngoài ra, chiến lược đa dạng hóa sản phẩm cũng giúp cho Tập đoàn lấy lợi nhuận của sản phẩm này bù cho sản phẩm khác khi giá cả một loại hàng hóa nào đó giảm trong khi

các loại hàng hóa khác không bị ảnh hưởng. Trong tương lai dài, Tập đoàn cũng sẽ nghiên cứu áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kỳ hạn, hợp đồng mua bán dài hạn ký với các đối tác lớn với giá cố định trước... Bên cạnh đó, Tập đoàn sẽ dần áp dụng các nguyên tắc kiểm soát theo mô hình kiểm soát song trùng đa chiều để kiểm soát chất lượng sản phẩm. Tập đoàn cũng sẽ từng bước dần đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tập trung vào những quốc gia có sức tiêu thụ cao để tránh rủi ro biến động giá của một thị trường.

RỦI RO TỶ GIÁ

Bản chất

Trong những năm gần đây, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng Nhà nước, vì vậy không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỷ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, để phòng các ảnh hưởng xấu khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra trong tương lai.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu là chủ yếu. Nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động hơn trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

Kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài đều được Tập đoàn tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất. Tập đoàn sẽ cân nhắc tái cơ cấu danh mục nợ phù hợp với cơ cấu dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh theo loại tiền tệ.

RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án. Hơn 40% tổng nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh điều hành kinh tế vĩ mô của chính phủ hiện nay có thể đánh giá mức rủi ro lãi suất là chấp nhận được cho năm 2018.

Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu thường, Tập đoàn còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi với lãi suất thấp từ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chi phí vốn của các khoản này thường ở mức thấp, được xác định trước và không bị ảnh hưởng lớn bởi biến động lãi suất.

RỦI RO TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Bản chất

Tập đoàn có những ngành nghề kinh doanh mà thời gian triển khai dự án dài như dự án cao su khoảng 7 năm, cây ăn trái lâu năm: từ 2 - 3 năm. Công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây... Các vướng mắc nảy sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án, làm chậm tốc độ quay vòng vốn, ảnh hưởng chất lượng cây trồng và sản lượng thu hoạch tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án và mối quan hệ tốt với các cơ quan chức năng có liên quan, Tập đoàn luôn chủ động trong kế hoạch triển khai các dự án của mình. Bên cạnh đó, nhờ có nhiều dự án được tiến hành gối đầu nhau, xen kẽ cây ngắn ngày và dài ngày, kế hoạch kinh doanh và tốc độ quay vòng vốn của Tập đoàn không bị phụ thuộc vào từng dự án riêng lẻ.

RỦI RO PHÁP LÝ

Bản chất

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán... các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Ngoài ra thị trường nông sản cũng bị chi phối bởi các rào cản thuế quan, kĩ thuật, môi trường và bảo hộ của các quốc gia nhập khẩu

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn xây dựng bộ phận pháp lý gồm các luật sư có bằng cấp và giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận pháp lý còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng trong những giao dịch hằng ngày của Tập đoàn để hạn chế các rủi ro có liên quan. Có các biện pháp dự báo và đa dạng hóa thị trường đầu ra để tránh bị phụ thuộc một thị trường.

CÁC RỦI RO PHI HỆ THỐNG KHÁC

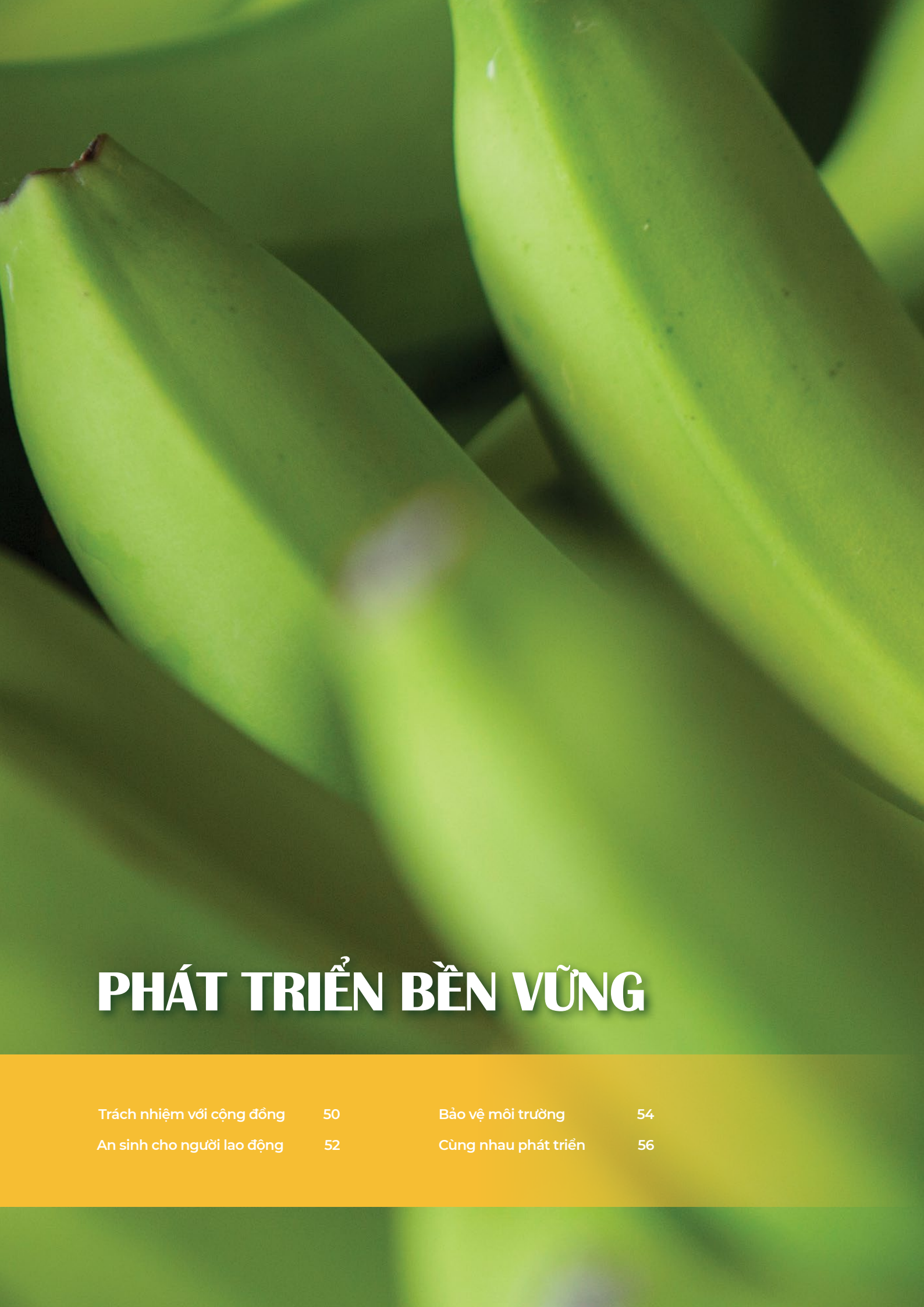
Bản chất

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn với một hay nhiều rủi ro phi hệ thống khác, chẳng hạn như: dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn... Dù muốn hay không thì các rủi ro này vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Tập đoàn sẽ từng bước thí điểm áp dụng công nghệ cao trong dự báo thiên tai, dịch bệnh để có các biện pháp ứng phó chủ động.

Tập đoàn tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng ngành và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp cho từng loại rủi ro. Tập đoàn đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro nhà xưởng, bảo hiểm rủi ro trong chăn nuôi cho các nông trường bò, bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, trái cây và gia vị. Mua bảo hiểm tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên, bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ 3.

A close-up photograph of several green banana leaves, showing their characteristic shape and texture. The leaves are layered, with some in sharp focus and others blurred in the background, creating a sense of depth. The lighting is soft, highlighting the natural green color of the leaves.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với cộng đồng 50

An sinh cho người lao động 52

Bảo vệ môi trường 54

Cùng nhau phát triển 56



Phát triển BỀN VỮNG



Báo cáo phát triển bền vững của Tập đoàn HAGL được thực hiện theo hướng dẫn GRI-G4 dựa vào kết quả thu thập được trong năm qua nhằm công bố thông tin đến cổ đông, đối tác, khách hàng và cộng đồng xung quanh giúp các bên có đầy đủ thông tin và đánh giá được hoạt động của Tập đoàn HAGL.



Bệnh viện Đại học y dược Hoàng Anh Gia Lai.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Với sứ mệnh tạo ra nhiều giá trị cho xã hội, bên cạnh các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, giáo dục và y tế; hàng năm, HAGL đều dành riêng khoản ngân sách cho chương trình **Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn:** ủng hộ các Quỹ người nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ chất độc màu da cam, quyền góp cứu trợ người dân vùng bão lũ, tổ chức tặng quà tết cho các gia đình khó khăn,... Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện,



cứu trợ không chỉ được thực hiện bằng khoản trích phúc lợi của Tập đoàn mà còn bằng đóng góp cá nhân của các cán bộ, nhân viên.

Một sự kiện đáng lưu ý là trong đêm 23/07/2018, đã xảy ra sự cố vỡ đập thủy điện Xe Pian-Xe Namnoy, Tỉnh Attapeu (Lào) khiến hàng trăm người thiệt mạng và mất tích; 06 ngôi làng ở Sanamxay bao gồm Yai Thae, Hinlad, Mai, Thasengchan, Tha Hin, Samong ngập trong biển nước. Thảm họa đã khiến khoảng 1.300 hộ dân mất nhà cửa. Vào thời điểm đó, 26 cán bộ, công nhân HAGL và người dân bị mắc kẹt tại nông trường 02 ngày đêm phải sống trong tình cảnh lo lắng tột cùng vì khó khăn, thiếu thốn lương thực, thiếu nước sạch và bị cô lập. Công ty đã thuê máy bay trực thăng đưa tất cả công nhân ra khu vực an toàn. Là đơn vị đầu tư trên địa bàn tỉnh Attapeu, Tập đoàn HAGL đã huy động tất cả các nguồn lực chuyển cứu trợ khẩn cấp 100.000 gói mì ăn liền, 50 tấn gạo, 2.000 bộ quần áo, 100 túi đựng chuyên dùng trong y tế, thuốc men và các vật dụng cần thiết khác



từ Việt Nam sang Lào để tham gia cứu hộ. Cùng thời gian đó, Tập đoàn đã thành lập đoàn 20 y bác sĩ bệnh viện Đại Học Y Dược HAGL tiếp cận vùng lũ và phối hợp với chính quyền địa phương Tỉnh Attapeu khám chữa bệnh, phát thuốc cho người dân. Sau đó, tại Lễ công bố hợp tác chiến lược HAGL - Tập đoàn Trường Hải (Thaco) vào ngày 08/08/2018, lãnh đạo 02 công ty HAGL và Thaco đã tặng nhân dân tỉnh Attapeu (CHDCND Lào) 2 tỷ Kip (5,5 tỷ đồng) và nhân dân tỉnh Stung Treng (Vương Quốc Campuchia) 400 triệu Riel (2,3 tỷ đồng) bị ảnh hưởng nặng nề do bị vỡ đập thủy điện tại tỉnh Attapeu (Lào). Ngoài ra, Bệnh viện Y Dược HAGL phối hợp với Công ty BHNT Phú Hưng Life và Hội thiện nguyện tri thức TP.HCM khám chữa bệnh cho gần 700 lượt người tại Phường Tây Sơn, Tp. Pleiku và Huyện Mang Yang - Gia Lai, Việt Nam.

Bên cạnh đó, HAGL còn hướng tới phát triển văn hóa và hòa nhập vào cộng đồng địa phương tại các quốc gia đang đầu tư. Hầu hết các giám đốc, giám sát viên, kỹ thuật viên của Công ty đều được tạo điều kiện học tiếng Campuchia, Lào, Myanmar để giao tiếp tốt với người dân địa phương.



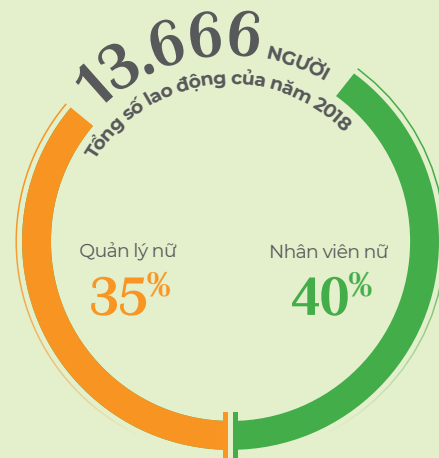
Khu nhà tái định cư.

AN SINH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

HAGL luôn coi trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực. Tập đoàn thực hiện trách nhiệm đối với người lao động chủ yếu dựa trên 3 yếu tố:

An toàn, sức khỏe

Ngoài việc tuân thủ chế độ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật, quy định về an toàn lao động, HAGL còn chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ chi phí điều trị tại bệnh viện Đại học Y Dược - HAGL, xét miễn giảm chi phí đối với nhân viên đang công tác tại nước ngoài, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời và đầy đủ cho người lao động như chế độ bệnh tật, chế độ thai sản... Bên cạnh đó, Tập đoàn tổ chức các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy, sơ cứu - cấp cứu, vệ sinh - an toàn thực phẩm, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật...



Đảm bảo công bằng

Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. Tại HAGL, chúng tôi ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.

Hiện nay, Tổng số lao động của HAGL (tính đến 31/12/2018) có 13.666 người, trong đó, số lượng nhân viên nữ chiếm 40%, số quản lý là nữ chiếm 35%.



Hệ thống kho lạnh và vận chuyển trái cây xuất khẩu.

Cơ hội phát triển

- Tại HAGL, công việc được sắp xếp, phân công sao cho phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình.
- Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm HAGL tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ nhằm nâng cao nghiệp vụ, tay nghề cho CBNV ở tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, y tế...; thường xuyên mở lớp huấn luyện sử dụng phần mềm thống kê, phần mềm kế toán, nhận thức tiêu chuẩn ISO 9001, Global GAP, vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, đào tạo đánh giá viên nội bộ, hướng dẫn vận hành an toàn máy móc - thiết bị tại các nhà máy và nông trường.
- Bên cạnh đó, đối với người lao động từ các địa phương xa như Quảng Nam, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nghệ An, Đồng Tháp, An Giang, Trà Vinh, Cần Thơ... đến làm việc tại các nông trường cao



su, trái cây... HAGL xây dựng các công trình phục vụ người lao động trong phạm vi các dự án như: nhà ở công nhân, nhà ở gia đình, nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh trên lô, hỗ trợ xe đưa đón... nhằm giúp CBNV yên tâm công tác.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thức môi trường là nguồn tài nguyên quý giá của con người, từ nhiều năm qua, HAGL luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng, tuân thủ quy định về bảo vệ môi sinh nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường...



Tiêu thụ nước

HAGL sử dụng nguồn nước chủ yếu cho việc tưới tiêu cây trồng, dùng trong nhà máy chế biến mủ cao su, nhà máy chế biến trái cây... một cách tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế tối đa tác động xấu tới nguồn nước:

- Ứng dụng hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel. Đây luôn là lựa chọn ưu tiên trong khâu tưới tiêu của các dự án nông nghiệp HAGL. Hệ thống này tiết kiệm 50 - 70% lượng nước tưới so với các hình thức tưới thông thường.
- Nước thải từ các nhà máy chế biến mủ cao su, nhà máy chế biến trái cây được xử lý và tái sử dụng để tưới cho cây trồng. Biện pháp này giúp Tập đoàn vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước vừa tiết kiệm chi phí.

Tiêu thụ năng lượng điện

Tập đoàn đã giảm đáng kể lượng điện năng tiêu thụ trong các hoạt động vận hành nhà máy chế biến, xưởng sửa chữa, bơm nước, tưới nước bằng việc áp dụng các biện pháp thiết thực:

- Thay thế dần các loại dụng cụ và thiết bị cũ như bóng đèn dây tóc, đèn huỳnh quang... bằng loại bóng đèn LED.
- Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi đưa nước về các hồ chứa để tưới cho vườn cây.
- Sử dụng bình nước nóng dùng điện mặt trời.
- Phổ biến tới toàn thể CBNV các quy định về sử dụng tiết kiệm điện.



Hệ thống thủy lợi và tưới tiêu tại các nông trường cây ăn trái



Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

- Hệ thống tưới nhỏ giọt Israel giúp HAGL hạn chế tối đa dư lượng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm vào trong đất, góp phần giảm thiểu mức độ gây tác động xấu đến đất đai và mạch nước ngầm, cải tạo vi khí hậu khu tưới. Ngoài ra, hình thức tưới nhỏ giọt cũng không gây xói mòn, bạc màu...
- Công ty đã xây dựng và vận hành nhà máy phân vi sinh công suất 50.000 tấn/năm.
- Sử dụng các nguyên vật liệu có thể tái sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm:
 - Tái sử dụng bao đựng phân bón: để thu gom rác thực vật trong lô (như trái hư, cành, lá,...). Trong đó có 50% số bao được tái sử dụng.
 - Ống nước tưới các loại (như ống PVC, ống HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới nước nhỏ giọt cho các vườn cây. Các ống tưới đã qua sử dụng bị đứt, gãy được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.

Tuân thủ các quy định về môi trường

- Việc đầu tư kinh doanh của Tập đoàn tuân thủ các quy định và luật về môi trường do Chính phủ Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar ban hành. Trước khi triển khai dự án, HAGL thuê đơn vị độc lập có uy tín đánh giá tác động môi trường, đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường xã hội cho các dự án đầu tư và trình lên các bộ ngành có thẩm quyền, xin cấp phép triển khai.
- Thành lập bộ phận Môi trường nhằm kiểm soát mọi hoạt động sản xuất tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng.
- Ban hành Quy chế sử dụng hóa chất theo đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc hóa học.
- Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến các dự án phát triển cao su của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai tại Lào, Campuchia.
- HAGL hợp tác với Bureau Veritas - tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá và xác nhận nhằm thực hiện những cam kết hoạch định, phát triển và sản xuất kinh doanh bền vững hướng đến xây dựng, bảo vệ các giá trị cộng đồng và bảo tồn các giá trị thiên nhiên.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp Việt Nam cần có sự hỗ trợ lẫn nhau, liên doanh liên kết, tận dụng thế mạnh của nhau để nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong năm 2018, HAGL đã ký hợp tác chiến lược với Tập đoàn Trường Hải (Thaco). Việc hợp tác này là một điển hình nhằm tạo ra hệ sinh thái mới “Doanh nhân - doanh nghiệp” Việt Nam trong thời đại mới mà trước hết là thể hiện sự đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, sau nữa là nhằm Kết hợp khát vọng để Tích hợp giá trị cho sức mạnh của 2 doanh nghiệp THACO và HAGL, góp phần tạo sức mạnh cho nền kinh tế đất nước.

HAGL phối kết chặt chẽ với các bên liên quan cũng như những tương tác phản hồi trong quá trình hoạt động nhằm giúp Tập đoàn xác định rõ những vấn đề mà các bên quan tâm và tính trọng yếu để tạo cơ sở cho định hướng phát triển bền vững.

Cổ đông & nhà đầu tư

Chủ động công bố và minh bạch thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, thông tin trên website công ty tại địa chỉ: www.hagl.com.vn, website của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và qua các phương tiện truyền thông, ...

Lãnh đạo Tập đoàn trao đổi, lắng nghe ý kiến cổ đông, nhà đầu tư thông qua các buổi gặp trực tiếp, họp báo, đại hội cổ đông.

Tổ chức đi thực tế, tham quan dự án tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar giúp nhà đầu tư toàn diện hơn về hoạt động của Tập đoàn.

Khách hàng & Đối tác

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đầu tư nông nghiệp với chu trình sản xuất khép kín, tạo ra chất lượng sản phẩm cao, đáp ứng được yêu cầu nghiêm ngặt của đối tác thu mua và khách hàng.

Về lĩnh vực Bất động sản, HAGL hợp tác với Tập đoàn quản lý khách sạn Melia, CBRE điều hành, khai thác khách sạn 5 sao Melia Yangon, trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê Myanmar Plaza... Với sự hợp tác này, HAGL cùng với các đối tác tạo ra được những sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt nhất cung ứng ra thị trường.

Nhân viên

Trao đổi, cập nhật thông tin cho nhân viên qua email, điện thoại, họp trực tuyến.

Nâng cao tính đoàn kết của tập thể nhân viên bằng những buổi giao lưu, sinh nhật nhân viên, tiệc tất niên, tổ chức teambuilding...

Mở các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề, chuyên môn cho CBNV.

Cộng đồng xã hội

Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho người dân bản địa.

Tài trợ xây dựng cơ sở vật chất cơ bản như xây nhà, làm đường, đào giếng, xây dựng bệnh viện, trường học... nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Thực hiện các chương trình từ thiện, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ lương thực... cho người nghèo.

Nhà nước, Chính phủ

Thông qua việc đầu tư phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống xã hội của cộng đồng, làm tốt đẹp hơn mối quan hệ giữa các quốc gia nơi HAGL hoạt động đầu tư.

Nhà cung ứng

Nhà cung ứng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần xây dựng chuỗi giá trị vững mạnh của HAGL. Nắm giữ đầu vào của quy trình sản xuất, các đối tác HAGL lựa chọn cung cấp kỹ thuật, công nghệ, in ấn, giống cây trồng vật nuôi... đều là những nhà thầu uy tín đáp ứng yêu cầu về chất lượng và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc môi trường, cộng đồng.

Cơ quan truyền thông

Trao đổi và chia sẻ thông tin với cơ quan báo chí qua thông cáo báo chí, Họp báo, các chương trình HAGL tổ chức và Hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực HAGL đang hoạt động.

Mời đại diện các cơ quan truyền thông đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng HAGL thực hiện.



TÍCH LŨY GIÁ TRỊ

Thông tin chung	60	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	68
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	61	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	69
Báo cáo kiểm toán độc lập	62	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	71
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	64		



CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 06 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn trái; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 18 tháng 07 năm 2018
Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 18 tháng 07 năm 2018
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2019

Báo cáo KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60752790/19355658/FN-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 30 tháng 03 năm 2019 và được trình bày từ trang 64 đến trang 164 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 34.3 trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú với tổng giá trị là 7.594.857.478 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 10.570.063.864 ngàn VND). Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của tổng số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.593.250.868 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.023.878.331 ngàn VND) bao gồm trong các số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 36.434.976 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 6.568.828.675 ngàn VND. Ngoài ra, cũng vào ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.2, 24.3 và 24.4 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường

Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Như Quỳnh.

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2019

Bảng cân đối KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.567.906.781	8.815.052.625
110	I. Tiền	5	337.736.719	141.473.491
111	1. Tiền		337.736.719	141.473.491
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.747.120.864	7.481.808.506
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.976.376.936	2.166.131.406
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	427.114.472	611.144.225
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	724.888.836	3.969.777.546
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	656.027.274	756.477.238
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(37.286.654)	(21.721.909)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.397.223.406	1.118.852.515
141	1. Hàng tồn kho		1.409.194.346	1.126.498.195
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.970.940)	(7.645.680)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		85.825.792	72.918.113
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		42.012.128	31.853.662
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		33.782.839	35.050.293
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10.030.825	6.014.158
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.543.534.835	44.247.075.031
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.531.099.389	8.887.895.570
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	477.204
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	6.188.425.931	7.951.978.808
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	342.673.458	935.439.558

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
220	II. Tài sản cố định		10.732.352.612	9.921.066.056
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.671.588.242	8.590.084.812
222	Nguyên giá		12.582.296.997	10.017.277.001
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.910.708.755)	(1.427.192.189)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	60.764.370	1.330.981.244
228	Nguyên giá		115.343.472	1.422.035.740
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(54.579.102)	(91.054.496)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	37.104.803	3.210.064.249
231	1. Nguyên giá		42.073.202	3.398.052.191
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.968.399)	(187.987.942)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		16.910.792.900	17.750.120.892
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	16.910.792.900	17.750.120.892
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		2.788.206.391	857.860.420
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	2.771.892.520	847.332.517
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		16.313.871	10.507.903
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.543.978.740	3.620.067.844
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	1.224.232.772	976.304.493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	98.599.120	105.125.055
269	3. Lợi thế thương mại	18	3.221.146.848	2.538.638.296
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.111.441.616	53.062.127.656

Bảng cân đối KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.300.554.930	35.274.154.978
310	I. Nợ ngắn hạn		13.136.735.456	12.246.677.269
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	473.908.598	970.327.536
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	2.411.088.952	3.164.145.656
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	57.716.523	198.214.334
314	4. Phải trả người lao động		67.209.973	83.448.891
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	2.045.910.162	1.628.490.451
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		228.667	314.124.586
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	1.130.795.710	3.358.503.373
320	8. Vay ngắn hạn	24	6.949.803.327	2.528.863.856
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		73.544	558.586
330	II. Nợ dài hạn		18.163.819.474	23.027.477.709
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	2.029.868.704	1.319.177.615
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	131.669.002
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	980.019.908	937.538.732
338	4. Vay dài hạn	24	14.803.739.630	20.296.209.849
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	344.457.866	336.941.517
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		5.733.366	5.940.994

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.810.886.686	17.787.972.678
410	I. Vốn chủ sở hữu		16.810.886.686	17.787.972.678
411	1. Vốn cổ phần	25.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	485.237.344	453.812.960
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	280.644.763	279.895.303
421	6. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	(36.434.976)	702.809.115
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(153.941.745)	633.221.103
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		117.506.769	69.588.012
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	3.543.587.941	3.813.603.686
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.111.441.616	53.062.127.656



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2019

Báo cáo kết quả

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	5.388.200.400	4.841.225.074
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(3.013.495.226)	(3.109.682.997)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.374.705.174	1.731.542.077
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	1.404.799.179	1.665.916.448
22	5. Chi phí tài chính	30	(1.721.684.164)	(1.697.932.438)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.532.928.450)	(1.585.315.746)
24	6. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết		64.840.488	(18.433.513)
25	7. Chi phí bán hàng	31	(192.446.215)	(143.923.122)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(989.336.089)	(707.548.329)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		940.878.373	829.621.123
31	10. Thu nhập khác	32	21.546.363	267.202.683
32	11. Chi phí khác	32	(914.727.898)	(666.678.513)
40	12. Lỗ khác	32	(893.181.535)	(399.475.830)
50	13. Lợi nhuận kế toán trước thuế		47.696.838	430.145.293
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(2.998.375)	(24.802.221)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.2	(38.454.058)	(33.735.757)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.244.405	371.607.315
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		117.506.769	69.588.012
62	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(111.262.364)	302.019.303
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	127	80
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	127	80

Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2019

Báo cáo LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		47.696.838	430.145.293
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11,12 13,18	1.137.274.221	1.054.629.884
03	Dự phòng		19.682.377	28.441.450
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		44.675.852	60.022.958
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.435.670.677)	(1.737.550.408)
06	Chi phí lãi vay	30	1.532.928.450	1.585.315.746
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.346.587.061	1.421.004.923
09	Giảm các khoản phải thu		1.511.655.755	515.795.384
10	Tăng hàng tồn kho		(695.030.279)	(211.051.664)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.837.314.700)	775.769.299
12	Tăng chi phí trả trước		(215.749.814)	(767.137.982)
14	Tiền lãi vay đã trả		(971.481.036)	(714.949.467)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	(54.584.465)	(4.591.515)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.758.964)	(316.303)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(2.917.676.442)	1.014.522.675
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(2.597.907.012)	(1.454.631.442)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		531.497.895	475.594.760
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(3.041.376.766)	(7.208.649.956)
24	Tiền thu hồi cho vay		3.903.352.004	2.988.905.798
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(7.783.830)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		74.975.161	1.517.118.217
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		783.659.345	1.119.834.929
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(353.583.203)	(2.561.827.694)

Báo cáo

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	2.450.000
33	Tiền thu từ đi vay		7.594.866.696	4.119.461.254
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.127.343.823)	(3.055.353.071)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.467.522.873	1.066.558.183
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		196.263.228	(480.746.836)
60	Tiền đầu năm	5	141.473.491	794.326.175
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(172.105.848)
70	Tiền cuối năm	5	337.736.719	141.473.491

Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 06 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực thủy điện			
(1) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("DHA")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(2) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu ("NK2")	Viêng Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(3) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 ("NK3")	Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	99,00
Lĩnh vực nông nghiệp			
(5) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	63,33
(6) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	63,33
(7) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	61,92
(8) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	61,92
(9) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	63,03
(10) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	63,33
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	61,92
(12) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	63,33
(13) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	63,33
(14) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	63,33
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	63,33

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(16) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	62,70
(17) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	63,33
(18) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	63,33
(19) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	63,27
(20) Công ty TNHH MTV Daun Pênh Agrico	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	63,27
(21) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	63,33
(22) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	63,33
(23) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	63,33
(24) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	63,33
(25) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	63,33
(26) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	63,28
(27) Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(28) Công ty TNHH Phát triển MTV Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	98,00
Lĩnh vực khai khoáng			
(29) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(30) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(31) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(32) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(33) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(34) Công ty TNHH V&H Corporation	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(35) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(36) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn trái; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.199 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.247).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 36.434.976 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 6.568.828.675 ngàn VND. Ngoài ra, cũng vào ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.2, 24.3 và 24.4 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập dòng tiền kế hoạch trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ các dự án đang triển khai và tái cơ cấu một số khoản đầu tư mà theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Hơn nữa, vào ngày 08 tháng 08 năm 2018, Tập đoàn cũng đã ký kết một Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Tập đoàn trong việc huy động vốn tài trợ các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Tập đoàn và tái cơ cấu tài chính. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Phụ phẩm - phế phẩm

Tập đoàn đang theo dõi các mặt hàng phụ phẩm, phế phẩm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp về mặt số lượng, với giá trị ghi sổ bằng không tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

Vườn cây cao su và tiêu

Ban Tổng Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cây thanh long

Ban Tổng Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là 8 đến 9 tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây thanh long đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 08/2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Tập đoàn tại Campuchia và Lào. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao các vườn cây

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây (tiếp theo)

Khấu hao đối với vườn cây thanh long, tiêu và xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 08 tháng 08 năm 2017 và Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long, tiêu và xoài theo chu kỳ khai thác.

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)			
	Vườn cây cao su	Vườn cây thanh long	Vườn tiêu	Vườn xoài
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60	0,30
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50	1,00
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50	2,20
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50	4,30
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80	5,80
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		3,80	5,80
Năm thứ 17	5,00		3,80	5,80
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại	5,80
Năm thứ 19	5,20			5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30 năm
------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn trái và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn trái, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí phát triển cây ăn trái, vườn cây khác, chi phí khai hoang và trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- Chi phí đào tạo cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí đào tạo cầu thủ được phân bổ trong vòng từ bảy (7) đến mười (10) năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi

khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận tại ngày các bên tham gia hoàn tất các quyền lợi và nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Doanh thu cho thuê tài sản dài hạn

Tập đoàn ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản dài hạn một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC:

- Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;
- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Tập đoàn phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.23 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.25 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Mua cổ phần Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1603/18/NQHĐQT-HAGL ngày 16 tháng 03 năm 2018, Hội đồng Quản trị thông qua việc Tập đoàn mua 76.930.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Hưng Thắng Lợi Gia Lai") với giá là 32.200 VND/cổ phiếu. Theo đó, vào ngày 17 tháng 03 năm 2018, Tập đoàn đã tiến hành căn trừ công nợ với các cá nhân đang sở hữu trong Hưng Thắng Lợi Gia Lai để thanh toán số tiền 2.477.146.000 ngàn VND để mua toàn bộ số cổ phần nêu trên và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi Gia Lai là 98,00%.

Giá trị hợp lý được xác định theo giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Hưng Thắng Lợi Gia Lai tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	Ngàn VND
	<i>Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	1.306.682
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.295.407.353
Hàng tồn kho	24.478.895
Các tài sản ngắn hạn khác	54.217
Tài sản cố định hữu hình - Giá trị thuần	491.079.463
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	237.519.659
Các tài sản dài hạn khác	435.666.755
	2.485.513.024
Nợ phải trả	
Các khoản nợ phải trả khác	818.838.629
Vay	233.695.438
	1.052.534.067
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	1.432.978.957
Phần tài sản thuần thuộc các cổ đông không kiểm soát	28.659.579
Phần tài sản thuần đã mua	1.404.319.378
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	1.072.826.622
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	2.477.146.000

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") phát hành thêm 119.700.000 cổ phần cho cổ đông không kiểm soát

Vào ngày 09 tháng 03 năm 2018, HNG đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phần cho các cổ đông không kiểm soát để hoán đổi nợ phải trả thành vốn cổ phần. Theo đó, vốn cổ phần của HNG tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG bị điều chỉnh giảm từ 65,85% xuống còn 56,96%.

Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG trước và sau khi phát hành cổ phiếu nói trên là 268.662.871 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“CNGL”)

Vào ngày 20 tháng 03 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong CNGL cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, số tiền lãi là 43.519.553 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần An Đông Mía (“ADM”)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2018, HNG mua thêm 6.000.000 cổ phiếu trong ADM từ CNGL. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của HNG trong ADM tăng từ 69,50% lên 99,50%, đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong ADM tăng từ 43,43% lên 62,18%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong ADM vào ngày giao dịch là 169.104.526 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thanh lý tài sản thuần trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (“HAN”)

Vào ngày 12 tháng 09 năm 2018, HAN đã phát hành thêm 125.000.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông chiến lược với giá phát hành là 13.425 VND/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

Theo đó, vốn cổ phần của HAN tăng từ 2.850.000.000 ngàn VND lên 4.100.000.000 ngàn VND và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HAN bị điều chỉnh giảm từ 68,90% xuống còn 47,89%. Do đó, Tập đoàn đã ghi nhận lãi từ việc thanh lý công ty con HAN do việc phát hành thêm cổ phiếu nêu trên với số tiền là 516.040.909 ngàn VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, bao gồm trong số tiền này là lãi đã được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước do HAN phát hành cổ phiếu cho các cổ đông bên ngoài Tập đoàn làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn mà không mất quyền kiểm soát với số tiền là 426.403.428 ngàn VND (TM số 25.1).

Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”)

Vào ngày 19 tháng 09 năm 2018, Tập đoàn mua thêm 24.000.000 cổ phiếu trong HNG từ HAN. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG tăng từ 61,92% lên 63,33%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 207.238.425 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	14.888.915	17.195.074
Tiền gửi ngân hàng	322.847.804	124.278.417
TỔNG CỘNG	337.736.719	141.473.491

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.640.202.928	1.145.033.158
Trong đó:		
Công ty Xuất nhập khẩu Mittaphap	525.363.199	9.647.209
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Bolaven	238.482.216	-
Các khách hàng khác	876.357.513	1.135.385.949
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	784.539.432	857.261.771
Trong đó:		
Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay	748.511.168	737.569.190
Phải thu từ các khách hàng khác	36.028.264	119.692.581
Phải thu về thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư và chuyển nhượng dự án	542.589.899	147.652.615
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	516.200.000	-
Phải thu từ các khách hàng khác	26.389.899	147.652.615
Phải thu tiền bán căn hộ	9.044.677	16.183.862
TỔNG CỘNG	2.976.376.936	2.166.131.406
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (TM số 34.2)	307.145.551	641.674.018
Phải thu các bên khác	2.669.231.385	1.524.457.388

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.721.909	29.122.822
Tăng dự phòng lập trong năm	21.320.234	(7.400.913)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.755.489)	-
Số cuối năm	37.286.654	21.721.909

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho việc mua đất và dự án (*)	248.679.631	-
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	117.068.745	535.943.781
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị (**)	60.177.999	71.917.466
Trả trước cho người bán khác	1.188.097	3.282.978
TỔNG CỘNG	427.114.472	611.144.225
Trong đó:		
Trả trước các bên liên quan (TM số 34.2)	33.621.109	412.870.972
Trả trước các bên khác	393.493.363	198.273.253

(*) Số dư này thể hiện số tiền tạm ứng cho Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay liên quan đến việc nhận chuyển nhượng dự án cây cao su và cây mít tại Bản Vật Luồng, Huyện Samackhixay, Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang tiến hành hoàn tất các thủ tục pháp lý về nhận chuyển nhượng.

(**) Bao gồm trong số dư này là một khoản ứng trước cho một số cá nhân nhà thầu liên quan đến các dự án thủy điện với tổng giá trị 26.177.026 ngàn VND.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn			
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 34.2)	(i)	633.710.952	3.754.961.320
Cho vay ngắn hạn các bên khác	(ii)	91.177.884	214.816.226
		724.888.836	3.969.777.546
Dài hạn			
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 34.2)	(i)	6.130.524.711	7.512.960.946
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu	(iii)	15.020.312	169.589.065
Cho vay dài hạn các bên khác	(ii)	42.880.908	269.428.797
		6.188.425.931	7.951.978.808
TỔNG CỘNG		6.913.314.767	11.921.756.354

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả đến năm 2022.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 10,00% đến 15,10%/năm, chi tiết như sau:

		Ngàn VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Lê Thùy Dương	73.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	36.340.405	-
Công ty Cổ phần Bò Đông Dương	13.102.453	13.102.453
Công ty TNHH Điện Quang Trung	-	168.015.082
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	-	141.465.392
Khác	11.615.934	161.662.096
TỔNG CỘNG	134.058.792	484.245.023

(iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 05 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc (USD)	648.826	7.482.421
Nợ gốc (Ngàn VND)	15.020.312	169.589.065

9. PHẢI THU KHÁC

		Ngàn VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	656.027.274	756.477.238
Lãi cho vay các công ty	227.438.092	496.345.797
Cho các công ty mượn	226.611.576	51.053.406
Tạm ứng cho nhân viên	163.893.229	96.402.593
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.000.000	42.532.151
Phải thu ngắn hạn khác	35.084.377	70.143.291
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34.2)	457.258.949	558.864.605
Phải thu các bên khác	198.768.325	197.612.633
Dài hạn	342.673.458	935.439.558
Lãi cho vay các công ty	329.230.801	548.843.689
Các khoản ký quỹ dài hạn	9.931.481	12.838.699
Cho mượn các công ty	-	248.004.789
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	125.750.981
Phải thu dài hạn khác	3.511.176	1.400
Trong đó:		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 34.2)	329.540.303	890.477.069
Phải thu các bên khác	13.133.155	44.962.489
TỔNG CỘNG	998.700.732	1.691.916.796

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.062.575.678	837.389.494
Trong đó:		
Hoạt động xây dựng (i)	629.555.879	610.961.724
Hoạt động sản xuất	428.160.396	111.137.954
Chi phí nuôi bò thịt	4.859.403	111.197.997
Cung cấp dịch vụ	-	4.091.819
Nguyên vật liệu	172.407.850	134.446.820
Thành phẩm	55.406.832	15.814.079
Công cụ, dụng cụ	47.088.667	7.955.419
Căn hộ sẵn sàng để bán (ii)	36.395.297	76.898.171
Hàng hóa	35.320.022	40.553.412
Vật liệu xây dựng	-	13.440.800
TỔNG CỘNG	1.409.194.346	1.126.498.195
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.970.940)	(7.645.680)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.397.223.406	1.118.852.515

(i) Trong đó chủ yếu thể hiện khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào theo hợp đồng xây dựng số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị nghiệm thu cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 25.584.644 USD). Theo biên bản làm việc số 27610/GTVT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa đại diện chủ đầu tư là Cục hàng không dân dụng chính phủ Lào, đại diện Công ty Tư vấn Giám sát dự án và Tập đoàn, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến hết ngày 20 tháng 06 năm 2019.

(ii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.675.785.086	565.879.747
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	77.189.804	465.956
Mua trong năm	32.246.130	67.388.064
Mua công ty con	429.308.183	5.049.377
Chênh lệch tỷ giá	14.751.888	3.651.069
Thanh lý	(33.660.416)	(36.437.874)
Thanh lý công ty con	(1.077.446.647)	(24.083.506)
Xóa sổ	(20.230.786)	(1.592.631)
Phân loại lại từ hàng tồn kho	-	-
Số cuối năm	2.097.943.242	580.320.202
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	(368.936.854)	(262.077.872)
Khấu hao trong năm	(160.824.906)	(68.142.882)
Mua công ty con	(31.211.488)	(1.859.175)
Chênh lệch tỷ giá	2.475.233	722.235
Thanh lý	9.523.490	14.293.779
Thanh lý công ty con	44.180.475	11.541.909
Xóa sổ	5.253.886	554.556
Số cuối năm	(499.540.164)	(304.967.450)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.306.848.232	303.801.875
Số cuối năm	1.598.403.078	275.352.752
Trong đó:		
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)	1.285.820.790	246.229.773
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	19.522.060	37.990.736

Ngàn VND

	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vật nuôi và cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	2.207.365.851	11.010.445	4.504.508.861	52.727.011	10.017.277.001
	79.575.789	115.066	3.401.082.256	-	3.558.428.871
	26.217.873	271.532	-	3.253.177	129.376.776
	98.314.180	-	-	-	532.671.740
	14.298.612	17.655.280	(42.427.695)	928.476	8.857.630
	(18.461.392)	(425.536)	(418.773.360)	-	(507.758.578)
	(33.015.942)	(21.381.331)	-	(2.272.710)	(1.158.200.136)
	(873.232)	-	(16.094.001)	(1.002.440)	(39.793.090)
	-	-	41.436.783	-	41.436.783
	2.373.421.739	7.245.456	7.469.732.844	53.633.514	12.582.296.997
	(428.992.933)	(8.019.623)	(332.378.859)	(26.786.048)	(1.427.192.189)
	(194.711.401)	(2.385.218)	(229.802.920)	(7.004.078)	(662.871.405)
	(8.521.614)	-	-	-	(41.592.277)
	624.732	(886.489)	3.309.982	58.417	6.304.110
	8.832.359	425.536	95.300.439	-	128.375.603
	16.306.552	4.384.166	-	1.043.946	77.457.048
	132.635	-	2.170.420	698.858	8.810.355
	(606.329.670)	(6.481.628)	(461.400.938)	(31.988.905)	(1.910.708.755)
	1.778.372.918	2.990.822	4.172.130.002	25.940.963	8.590.084.812
	1.767.092.069	763.828	7.008.331.906	21.644.609	10.671.588.242
	1.701.535.188	114.231	6.235.378.950	17.975.241	9.487.054.173
	39.217.146	2.132.313	6.689.440	7.515.691	113.067.386

(*) Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đã sử dụng giá trị Khách sạn Hoàng Anh Attapeu, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con trong Tập đoàn, để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu, bên thứ ba. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm	49.633.319	444.841	1.782.903	51.861.063

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.287.750.559	134.285.181	1.422.035.740
Chênh lệch tỷ giá	32.956.066	231.437	33.187.503
Thanh lý công ty con	(1.288.332.951)	(51.546.820)	(1.339.879.771)
Số cuối năm	32.373.674	82.969.798	115.343.472
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(22.629.123)	(68.425.373)	(91.054.496)
Hao mòn trong năm	(8.160.831)	(14.156.629)	(22.317.460)
Chênh lệch tỷ giá	(565.664)	-	(565.664)
Thanh lý công ty con	29.941.320	29.417.198	59.358.518
Số cuối năm	(1.414.298)	(53.164.804)	(54.579.102)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.265.121.436	65.859.808	1.330.981.244
Số cuối năm	30.959.376	29.804.994	60.764.370
Trong đó:			
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	200.000	3.083.700	3.283.700
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)	25.278.179	14.817.773	40.095.952

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND				
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Văn phòng cho thuê</i>	<i>Trung tâm thương mại</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.072.022	17.558.404	2.222.825.169	1.130.596.596	3.398.052.191
Chênh lệch tỷ giá	-	-	58.353.449	29.680.343	88.033.792
Thanh lý công ty con	-	(2.557.224)	(2.281.178.618)	(1.160.276.939)	(3.444.012.781)
Số cuối năm	27.072.022	15.001.180	-	-	42.073.202
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(1.478.788)	(3.066.599)	(111.639.628)	(71.802.927)	(187.987.942)
Khấu hao trong năm	(739.395)	(568.305)	(36.170.400)	(24.289.186)	(61.767.286)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(2.930.750)	(1.884.965)	(4.815.715)
Thanh lý công ty con	-	884.688	150.740.778	97.977.078	249.602.544
Số cuối năm	(2.218.183)	(2.750.216)	-	-	(4.968.399)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.593.234	14.491.805	2.111.185.541	1.058.793.669	3.210.064.249
Số cuối năm	24.853.839	12.250.964	-	-	37.104.803
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)	24.514.798	12.250.964	-	-	36.765.762

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	509.461.750	792.036.808
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	227.734.536	392.003.742

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn cây cao su	5.957.078.605	7.960.502.432
Chi phí phát triển vườn cây cò dầu	3.523.865.660	3.348.265.882
Nhà máy thủy điện (*)	3.379.400.885	3.385.682.060
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	2.929.781.057	1.703.067.342
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	917.377.456	687.226.986
Chi phí đào tạo học viên bóng đá HAGL - JMG	56.679.237	53.432.133
Chi phí phát triển vườn tiêu	30.405.295	114.959.517
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	-	351.086.244
Chi phí dự án bò	-	6.617.792
Khác	116.204.705	139.280.504
TỔNG CỘNG	16.910.792.900	17.750.120.892

(*) Số dư này thể hiện các dự án thủy điện Nậm Kông 2 và Nậm Kông 3 đã được ký kết hợp đồng mua bán với Chaleun Sekong Group ("CSG"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đã nhận được một khoản tiền ứng trước từ đối tác này (TM số 20) và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng các dự án này dự kiến sẽ được hoàn tất trong năm 2019.

Vườn cây cao su, cây cò dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn trái, nhà máy thủy điện và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 688.769.817 ngàn VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 689.985.580 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cò dầu và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
HAN	Bất động sản	47,89	2.500.883.911	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (*)	Trồng cây cao su	49,14	263.399.088	49,14	265.778.583
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
CNGL (**)	Chăn nuôi và cây ăn trái	-	-	23,46	573.944.413
TỔNG CỘNG			2.771.892.520		847.332.517

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 09 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

(**) Vào ngày 20 tháng 03 năm 2018, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong CNGL cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, số tiền lãi là 43.519.553 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Ngàn VND
	Tổng cộng
Giá gốc đầu tư	
Số đầu năm	856.553.911
Tăng giá trị đầu tư	2.429.842.267
Thanh lý	(589.200.000)
Số cuối năm	2.697.196.178
Phần lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm	(9.221.394)
Phần lãi từ công ty liên kết trong năm	64.840.488
Thanh lý	29.535.071
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	(10.457.823)
Số cuối năm	74.696.342
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	847.332.517
Số cuối năm	2.771.892.520

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	868.103.961	338.141.701
Chi phí khai hoang	209.442.959	119.745.845
Tiền thuê đất	76.019.489	77.325.774
Chi phí đào tạo học viên bóng đá HAGL - JMG	29.512.341	36.580.897
Công cụ, dụng cụ	23.719.114	17.902.929
Chi phí thuê văn phòng	5.333.584	24.595.489
Chi phí hoạt động trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	-	326.864.840
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.101.324	35.147.018
TỔNG CỘNG	1.224.232.772	976.304.493

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Giá trị
Nguyên giá	
Số đầu năm	3.013.468.551
Mua công ty con (TM số 4)	1.072.826.622
Số cuối năm	4.086.295.173
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	(474.830.255)
Phân bổ trong năm	(390.318.070)
Số cuối năm	(865.148.325)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.538.638.296
Số cuối năm	3.221.146.848

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	463.476.493	581.265.959
Phải trả nhà thầu xây dựng	10.293.479	386.759.864
Phải trả người bán khác	138.626	2.301.713
TỔNG CỘNG	473.908.598	970.327.536
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	436.058.220	691.265.856
Phải trả các bên liên quan (TM số 34.2)	37.850.378	279.061.680

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chaleun Sekong Group (“CSG”) ứng tiền trước (TM số 14)	2.258.871.961	1.937.491.633
Khách hàng thương mại trả tiền trước	105.842.347	401.485.954
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	46.374.644	630.303.525
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	-	194.864.544
TỔNG CỘNG	2.411.088.952	3.164.145.656
Trong đó:		
Các khách hàng khác	2.411.088.952	2.840.041.664
Các bên liên quan (TM số 34.2)	-	324.103.992

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	35.251.988	2.801.948	(30.528.961)	7.524.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	84.361.805	887.096	(54.584.465)	30.664.436
Thuế thu nhập cá nhân	11.625.323	37.827.141	(39.141.855)	10.310.609
Thuế khác	66.975.218	7.958.456	(65.717.171)	9.216.503
TỔNG CỘNG	198.214.334	49.474.641	(189.972.452)	57.716.523

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	2.965.310.282	2.133.992.109
Chi phí hoạt động	1.067.053.924	770.261.297
Chi phí phát hành trái phiếu	43.414.660	43.414.660
TỔNG CỘNG	4.075.778.866	2.947.668.066
Trong đó:		
Ngắn hạn	2.045.910.162	1.628.490.451
Dài hạn	2.029.868.704	1.319.177.615

23. PHẢI TRẢ KHÁC

		Ngàn VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		1.130.795.710	3.358.503.373
Phải trả các công ty và cá nhân khác	(i)	1.009.733.136	1.779.699.664
Phải trả tiền thuê đất		78.988.748	133.957.484
Phí bảo trì căn hộ		9.573.496	24.585.898
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh		-	1.282.500.000
Các khoản khác		32.500.330	137.760.327
Trong đó:			
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34.2)		202.914.128	2.144.930.519
Phải trả ngắn hạn các bên khác		927.881.582	1.213.572.854
Dài hạn		980.019.908	937.538.732
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	(ii)	835.000.000	550.000.000
Tiền thuê đất phải trả		109.415.187	135.669.657
Nhận ký quỹ dài hạn		-	235.056.332
Các khoản khác		35.604.721	16.812.743
Trong đó:			
Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 34.2)		844.725.774	550.077.566
Phải trả dài hạn các bên khác		135.294.134	387.461.166
TỔNG CỘNG		2.110.815.618	4.296.042.105

(i) Số dư này thể hiện khoản mượn tiền không lãi suất và không thế chấp, có thời hạn hoàn trả trong năm 2019 từ các công ty và các cá nhân khác bên ngoài Tập đoàn cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

(ii) Số dư khoản phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") dài hạn bao gồm:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên - công ty con trong Tập đoàn, và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND trong thời hạn năm (5) năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 05 năm 2021). Theo đó, An Tiến cam kết góp 700.000.000 ngàn VND và Tập đoàn cam kết góp 263.968.249 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Số dư An Tiến đã góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 550.000.000 ngàn VND.
- Thể hiện phần vốn góp nhận được từ các HĐHTKD được ký kết ngày 29 tháng 09 năm 2018 với các cá nhân là bên liên quan trong Tập đoàn về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Tập đoàn với số tiền 285.000.000 ngàn VND. Các HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án với thời hạn hợp tác là ba (3) năm kể từ ngày hợp đồng.

24. VAY

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn				
Trái phiếu chuyển đổi (TM số 24.1)	-	2.217.226.167	(64.013.464)	2.153.212.703
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.2)	728.781.281	2.093.544.819	(1.909.457.572)	912.868.528
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.4)	579.091.847	1.712.502.908	(753.622.229)	1.537.972.526
Vay dài hạn trái phiếu thường đến hạn trả (TM số 24.3)	401.099.073	914.041.578	(401.147.738)	913.992.913
Vay ngắn hạn khác (TM số 24.5)	819.891.655	1.535.018.806	(923.153.804)	1.431.756.657
	2.528.863.856	8.472.334.278	(4.051.394.807)	6.949.803.327
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường (TM số 24.3)	10.965.896.345	104.280.528	(1.000.856.014)	10.069.320.859
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.4)	9.308.802.300	377.704.706	(5.081.797.835)	4.604.709.171
Vay dài hạn khác (TM số 24.5)	21.511.204	131.978.503	(23.780.107)	129.709.600
	20.296.209.849	613.963.737	(6.106.433.956)	14.803.739.630
TỔNG CỘNG	22.825.073.705	9.086.298.015	(10.157.828.763)	21.753.542.957

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Trái phiếu chuyển đổi

Chi tiết trái phiếu chuyển đổi vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Mục đích	Tài sản thế chấp	Nội dung khác
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("VNDI- RECT")	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")	2.216.880.000	Ngày 09 tháng 08 năm 2019	0,00	Đầu tư trồng mới cây ăn trái, tái cơ cấu tài chính của Tập đoàn	Tín chấp	Vào ngày đáo hạn, tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần chuyển đổi và tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần chuyển đổi trên với giá chuyển đổi là 10.000 VND/ cổ phần. Các cổ phần chuyển đổi sẽ có giá trị ngang bằng với tất cả các cổ phần đang lưu hành khác.
	Trái chủ khác	220.000					
	Chi phí phát hành trái phiếu	(252.333)					
TỔNG CỘNG		2.216.847.667					

Ngàn VND

Giá trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị vay chuyển đổi	2.216.847.667
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	105.576.190
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	2.111.271.477
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	41.941.226
Số đầu năm	-
Số phân bổ tăng trong năm	41.941.226
Số cuối năm	41.941.226
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	2.153.212.703

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	599.911.828	321.597.754
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")	207.207.636	119.898.087
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Campuchia ("Sacombank")	83.346.445	80.737.650
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	22.402.619	171.945.940
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	-	34.601.850
TỔNG CỘNG	912.868.528	728.781.281

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu của Tập đoàn.

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
a. TPBank				
Hội sở Hà Nội	599.911.828	Từ ngày 17 tháng 01 năm 2019 đến ngày 21 tháng 09 năm 2019	Bằng tổng lãi suất tiết kiệm 3 tháng TPBank cộng với biên độ 3,20 (2018: 10,20 - 10,50)	Quyền sử dụng và khai thác trên diện tích 925 ha thuộc sở hữu công ty TNHH Cao Su Eastern (Cambodia); 32.829.686 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 453,7 ha đất trồng trái cây thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
b. Ngân hàng Lào - Việt				
Chi nhánh Attapeu	207.207.636	Ngày 11 tháng 12 năm 2019	8,00	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào trên thửa đất số 03; Toàn bộ công trình dự án trồng 853 ha cây chanh dây tại Bản Phanoundong, Bản Nongkhuong, Bản Huội Kong - Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào và toàn bộ công trình vườn tiêu trồng 26,7 ha tại Bản Nongkhuong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
<i>c. Sacombank</i>				
Chi nhánh Campuchia	83.346.445	Ngày 10 tháng 04 năm 2019	9,00	1.123 ha đất tô nhượng và vườn cao su có địa chỉ tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia có giấy chứng nhận số Kr.0193 ký ngày 16 tháng 8 năm 2016, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia).
<i>d. BIDV</i>				
Chi nhánh Gia Lai	22.402.619	Ngày 18 tháng 02 năm 2019	9,00	Máy móc thiết bị, 3 xe ô tô biển số 81A-015.78; 81B-004.56; 81B-002.48 của Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai và công trình Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai.

24.3 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

	Ngàn VND	
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.694.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	594.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	489.502.177	614.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	516.649.915
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	180.000.000	240.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(71.188.405)	(88.654.497)
TỔNG CỘNG	10.983.313.772	11.366.995.418
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>10.069.320.859</i>	<i>10.965.896.345</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>913.992.913</i>	<i>401.099.073</i>

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)
BIDV và BSC	BIDV	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của 4 NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2018: 9,70)

Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha (trồng 7.102 ha cọ dầu) tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH CRD; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)
ECS (*)	VPB	1.394.000.000	10,50 cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,50 (2018: 10,90 - 12,00)
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	300.000.000	
TỔNG CỘNG		1.694.000.000	
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		334.000.000	
Trái phiếu dài hạn		1.360.000.000	
VPBS	VPB	991.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,50 và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25 (2018: 10,05 - 11,00)
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		191.000.000	
Trái phiếu dài hạn		800.000.000	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Tập đoàn là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)</i>
	Từ ngày 17 tháng 08 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su và cọ dầu tại Campuchia và Lào	166.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty.
	Từ ngày 17 tháng 02 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021		
	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và dự án Daun Pênh với quy mô 7.376,08 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Daun Pênh Agrico.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)
PHUGIASC	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,50 (2018: 10,00 - 11,00)
FPTS và VPB	VPB	594.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB được xác định tại ngày xác định LS cộng biên độ 4,00 (2018: 10,50 - 11,40)
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		114.000.000	
Trái phiếu dài hạn		480.000.000	
IBSC	VPB	145.268.041	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB được xác định tại ngày xác định LS cộng biên độ 4,00 (2018: 10,50)
IBSC	VPB	344.234.136	10,50 cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,00 (2018: 11,10 - 11,50)
TỔNG CỘNG		489.502.177	
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		214.992.913	
Trái phiếu dài hạn		274.509.264	

<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty.
Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN sở hữu bởi Công ty; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phúc Hợp Hoàng Anh Myanmar và vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của DHA; 166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh và Dự án 7.376,08 ha cò dẫu của Công ty TNHH MTV Daun Pênh Agrico tại Xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia.
Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	166.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Dự án 7.376,08 ha cò dẫu của Công ty TNHH MTV Daun Pênh Agrico tại xã Chey Ou Dom, Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.
Từ ngày 27 tháng 03 năm 2019 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Tái cơ cấu lại nợ của Tập đoàn	166.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376,08 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Daun Pênh Agrico và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của TPBank cộng với biên độ 4,50 (2018: 10,00)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	180.000.000	Bảng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng VND cộng với biên độ 3,50 (2018: 10,00 - 10,90)
Trong đó:			
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		60.000.000	
Trái phiếu dài hạn		120.000.000	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hệ số thanh toán hiện hành của Tập đoàn đang nhỏ hơn một (1), vi phạm quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu là hệ số thanh toán hiện hành phải lớn hơn một (1).

<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)</i>
18 tháng 06 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc quyền sở hữu của Công ty.
Từ ngày 30 tháng 06 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của Công ty CP Chăn nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú.

24.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.522.768.438	2.950.770.244
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	1.334.047.633	1.401.510.119
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")	1.031.033.107	1.420.718.793
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	1.004.832.519	2.924.753.645
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	250.000.000	1.190.141.346
TỔNG CỘNG	6.142.681.697	9.887.894.147
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	4.604.709.171	9.308.802.300
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.537.972.526	579.091.847

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn, tài trợ cho các dự án vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và cây ăn trái của Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
BIDV - Chi nhánh Gia Lai		
Khoản vay 1	734.927.398	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026
Khoản vay 2	577.088.948	Từ ngày 01 tháng 06 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019
Khoản vay 3	553.056.660	Từ ngày 17 tháng 03 năm 2019 đến ngày 21 tháng 12 năm 2019
BIDV - Chi nhánh Bình Định		
Khoản vay 4 (*)	576.217.075	Từ ngày 25 tháng 03 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026
Khoản vay 5	81.478.357	Đến ngày 26 tháng 12 năm 2024
Tổng cộng	2.522.768.438	
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	1.135.427.433	
Vay dài hạn	1.387.341.005	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 14.825 ha, chưa tuân thủ cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 17.950 ha.

Lãi suất (%/năm)

Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)

Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70 (2018: 7,20)

8,20 - 11,60 (khoản vay VND)
8,20 - 8,80 (khoản vay USD)

9,30 - 11,60 (khoản vay VND)
7,70 - 7,82 (khoản vay USD)

Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00 (2018: 7,00)

Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00 (2018: 7,00)

Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.

2 tầng thuộc khu thương mại tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên.

7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của DHA; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Huyện Ia pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; Khu liên hợp học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai; Công trình Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL.

Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 47 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 06 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã La Bông, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m²; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.

Toàn bộ giá trị đầu tư và quyền khai thác của công trình Thủy điện Nậm Kông 2 được hình thành trong tương lai; và một phần Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
HD Bank - Chi nhánh Đồng Nai		
Khoản vay 1 (*)	887.541.177	Từ ngày 25 tháng 06 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023
Khoản vay 2	299.706.456	Từ ngày 01 tháng 08 năm 2019 đến ngày 30 tháng 08 năm 2020
HD Bank - Chi nhánh Gia Lai		
Khoản vay 1	49.800.000	Từ ngày 30 tháng 09 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2021
Khoản vay 2	7.000.000	Từ ngày 30 tháng 03 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020
HD Bank - Chi nhánh Đắk Lắk	90.000.000	Từ ngày 31 tháng 03 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020
TỔNG CỘNG	1.334.047.633	
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	252.706.456	
Vay dài hạn	1.081.341.177	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cò dẫu của Tập đoàn thực tế trồng là 4.875,2 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 6.653 ha.

	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)</i>
	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2018: USD 7,00 - 7,50 và VND 10,50 - 12,00)	36 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại tỉnh Ratanakiri, Campuchia và tài sản gắn liền đất; Vốn góp 13,9 triệu cổ phần của HNG; 6 triệu cổ phần của BSTN và 100.000 cổ phần của CNGL tại Công ty Cổ phần An Đông Mía.
	10,50 - 11,00	196.368.900 cổ phiếu HAN do công ty sở hữu
	12,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án.
	12,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án; Cam kết thế chấp 15 xe đầu kéo, 15 sơ mi rơ móc thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai.
	11,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái, cây gia vị được thực hiện trên thửa đất tại Xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu		
Khoản vay 1 (*)	348.901.858	Từ ngày 25 tháng 08 năm 2019 đến ngày 25 tháng 08 năm 2022
Khoản vay 2 (**)	278.600.243	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2019 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026
Khoản vay 3	127.590.496	Từ ngày 01 tháng 08 năm 2019 đến ngày 30 tháng 08 năm 2020

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ số bò, theo đó, Tập đoàn không đảm bảo đủ số lượng bò nhập 14.219 con theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cò dẫu của Tập đoàn thực tế là 2.850,27 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha.

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu		
Khoản vay 4	77.420.358	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020
Khoản vay 5 (*)	198.520.152	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022
TỔNG CỘNG	1.031.033.107	

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	116.813.471
Vay dài hạn	914.219.636

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa đảm bảo đủ giá trị đàn bò là 26.460.000 USD theo yêu cầu của hợp đồng tín dụng này.

<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)</i>
10,00	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008; Diện tích đất 0,3 ha của Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và Toàn bộ đàn bò (14.219 con) nhập về của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
LAK: 12,75 USD: 10,00	Quyền sử dụng và khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
10,00	Toàn bộ công trình xây dựng, các loại máy móc thiết bị gắn liền với công trình thủy điện Nậm Kông 3 hình thành sau đầu tư tại Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào.

<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)</i>
10,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu.
9,50 - 10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu trị giá đảm bảo 26.460.000 USD thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp cao su Hoàng Anh - Quang Minh; Giá trị toàn bộ tài sản trên đất là vườn cây cao su diện tích 420,91 ha tại Huyện Laman, Sêkong, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
Sacombank - Chi nhánh Đà Nẵng (*)	262.454.605	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 6 tháng 12 năm 2026
Sacombank - Chi nhánh Sài Gòn (**)	300.000.000	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2021

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng thực tế của Tập đoàn là 44.479 ha, chưa tuân thủ cam kết trong hợp đồng tín dụng là 70.643 ha.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Tập đoàn thực tế trồng là 3.122,72 ha, chưa tuân thủ cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 3.476,58 ha. Ngoài ra, Tập đoàn chưa mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng.

<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)</i>
Bảng lãi suất tiết kiệm 13 tháng của Sacombank cộng biên độ 2,00 được điều chỉnh 3 tháng/lần (2018: 9,50)	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 14,5 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của HNG.
Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 2,50 một tháng, điều chỉnh 3 lần/năm (2018: 10,00)	Quyền sử dụng đất 687,9 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; 18,57 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 15 triệu cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4,99 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của HNG; Toàn bộ nguồn thu, hoa lợi phát sinh từ dự án cây cao su thuộc phạm vi (nhưng không giới hạn) 3.476,58 ha được Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên trồng và khai thác.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn
Sacombank - Chi nhánh Thủ Đức		
Khoản vay 1 (*)	250.000.000	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026
Khoản vay 2	85.000.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021
Khoản vay 3	16.100.000	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2021 đến ngày 20 tháng 7 năm 2022
Sacombank - Chi nhánh Campuchia		
Khoản vay 1	68.037.914	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 đến ngày 21 tháng 6 năm 2021
Khoản vay 2	23.240.000	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến ngày 24 tháng 7 năm 2022
TỔNG CỘNG	1.004.832.519	
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	33.025.166	
Vay dài hạn	971.807.353	
(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cò dẫu của Tập đoàn thực tế là 7.004 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.470 ha.		
TPBank - Hội sở		
Khoản vay 1	150.000.000	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến 29 tháng 11 năm 2021
Khoản vay 2	100.000.000	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến 23 tháng 11 năm 2021
TỔNG CỘNG	250.000.000	

	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12, 13 và 14)
	9,60	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; Quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê. Quyền sử dụng 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại xã Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên.
	9,50 cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB cộng biên độ 2,50 (2018: 9,50)	
	9,00	Quyền sử dụng đất: Dự án bìa đỏ 1 tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia; Dự án số 2 tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav.
	9,00	Quyền sử dụng tô nhượng đất kinh tế 728,24 ha; Lô đất tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia).
	11,00	878,38 ha đất tại Ấp Srae Thmey, Xã Ksem, Huyện Snoul, Tỉnh Kratie, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia).
	11,00	Chứng khoán cùng lợi tức, cổ tức và các quyền và lợi ích phát sinh từ 15.000.000 cổ phiếu HNG.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Vay ngắn hạn khác và vay dài hạn khác

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên đối tượng	Số cuối năm (Ngàn VND)
Vay ngắn hạn khác	
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	746.132.000
Ông Đoàn Nguyên Đức (TM số 34.2)	612.995.000
Bà Trần Thị Hữu Duyên (*)	33.529.000
Các cá nhân và công ty khác (*)	34.100.657
	1.426.756.657
Vay dài hạn khác	
Bà Huỳnh Trần Thanh Phương	5.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức (TM số 34.2)	129.709.600
	134.709.600
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	5.000.000
Vay dài hạn	129.709.600

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán các khoản vay đến hạn của cá nhân và công ty là 33.848.657 ngàn VND.

<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ngày 01 tháng 04 năm 2019 và ngày 05 tháng 06 năm 2019	6,00 - 6,50	Tín chấp
Ngày 10 tháng 12 năm 2019	6,00 - 10,50	Tín chấp
Ngày 28 tháng 07 năm 2019 và ngày 30 tháng 01 năm 2019	7,00 - 10,00	Tín chấp
Ngày 26 tháng 10 năm 2016 đến ngày 24 tháng 08 năm 2019	9,00 - 10,00	Tín chấp
Ngày 29 tháng 06 năm 2019	6,50	Tín chấp
Ngày 10 tháng 10 năm 2021	10,00	Tín chấp

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ
Năm trước			
Số đầu năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu	1.375.000.000	(275.220.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)
Năm nay			
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Thù lao thành viên Ban kiểm soát	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-
Thanh lý công ty con (TM số 4)	-	-	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát (*)	-	-	-
Số cuối năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)

Ngàn VND

	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)</i>	<i>Tổng cộng</i>
	625.918.808	279.895.303	952.700.191	13.296.585.916
	-	-	-	1.099.780.000
	-	-	69.588.012	69.588.012
	(172.105.848)	-	-	(172.105.848)
	-	-	(319.479.088)	(319.479.088)
	453.812.960	279.895.303	702.809.115	13.974.368.992
	453.812.960	279.895.303	702.809.115	13.974.368.992
	-	-	117.506.769	117.506.769
	31.424.384	-	-	31.424.384
	-	-	(1.737.000)	(1.737.000)
	-	749.460	(749.460)	-
	-	-	(426.403.248)	(426.403.248)
	-	-	(427.861.152)	(427.861.152)
	485.237.344	280.644.763	(36.434.976)	13.267.298.745

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Các nghiệp vụ giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát, chủ yếu bao gồm:
- Vào ngày 09 tháng 03 năm 2018, HNG đã hoàn tất việc phát hành 119.700.000 cổ phiếu cho các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 65,85% xuống 56,97%. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG trước và sau khi phát hành cổ phiếu nói trên là 268.662.871 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất;
 - Vào ngày 16 tháng 03 năm 2018, Tập đoàn mua 76.930.000 cổ phiếu của Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (chiếm 98% sở hữu) mà Hưng Thịnh Lợi đang nắm giữ 5,64% cổ phần HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG tăng từ 56,97% lên 62,49%. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 157.001.821 ngàn VND đã được ghi nhận tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất;
 - Vào ngày 31 tháng 03 năm 2018, HNG mua thêm 6.000.000 cổ phiếu trong ADM từ CNGL. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của HNG trong ADM tăng từ 69,5% lên 99,5% đồng thời tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong ADM tăng từ 43,43% lên 62,18%. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong ADM vào ngày giao dịch là 169.104.526 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
 - Vào ngày 19 tháng 09 năm 2018, Tập đoàn mua thêm 24.000.000 cổ phiếu trong HNG từ HAN. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG tăng từ 61,92% lên 63,33%. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 207.238.425 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

25.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	68.664	68.664

26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	3.813.603.686	2.649.088.573
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	1.197.000.000	2.450.000
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	(499.402.722)	860.045.810
Thanh lý công ty con	(848.934.538)	-
(Lỗ) lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(111.262.363)	302.019.303
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(7.416.122)	-
Số cuối năm	3.543.587.941	3.813.603.686

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	117.506.769	69.588.012
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	868.255.447
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
• Lãi cơ bản trên cổ phiếu	127	80
• Lãi suy giảm trên cổ phiếu	127	80

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	5.388.200.400	4.841.225.074
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	2.897.277.177	1.612.028.646
Doanh thu bán ớt	513.949.664	24.931.966
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	509.461.750	723.516.613
Doanh thu bán hàng hóa, phụ phẩm và phế phẩm	470.270.787	440.022.096
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	406.544.334	606.673.377
Doanh thu bán mủ cao su	345.077.184	454.358.577
Doanh thu bán bò	126.827.550	759.269.479
Doanh thu bất động sản đầu tư	57.910.339	59.278.538
Doanh thu bán tiêu	38.214.271	-
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	22.667.344	80.381.541
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	-	80.764.241
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan	29.832.490	298.602.768
Doanh thu thuần với các bên khác	5.358.367.910	4.542.622.306

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	755.262.551	798.953.582
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	563.609.679	807.659.222
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	81.224.545	48.666.991
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.089.505	5.437.010
Các khoản khác	612.899	5.199.643
TỔNG CỘNG	1.404.799.179	1.665.916.448
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan	749.845.449	743.206.536
Doanh thu với các bên khác	654.953.730	922.709.912

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán trái cây	1.298.285.319	761.235.134
Giá vốn bán ớt	353.339.846	7.673.011
Giá vốn dịch vụ cho thuê	227.734.536	382.688.288
Giá vốn hàng hóa, phụ phẩm và phế phẩm	159.796.549	200.021.543
Giá vốn dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	368.041.139	445.133.983
Giá vốn mủ cao su	371.389.292	352.603.169
Giá vốn bán bò	135.954.566	722.539.952
Giá vốn bất động sản đầu tư	38.476.544	58.761.526
Giá vốn bán tiêu	35.011.542	-
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	25.465.893	57.906.529
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	-	121.119.862
TỔNG CỘNG	3.013.495.226	3.109.682.997

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	1.532.928.450	1.585.315.746
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	152.734.178	63.397.561
Các khoản khác	36.021.536	49.219.131
TỔNG CỘNG	1.721.684.164	1.697.932.438

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.008.417	101.156.821
Chi phí lương nhân viên	22.660.977	27.962.791
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.794.026	3.456.575
Chi phí khác	15.982.795	11.346.935
TỔNG CỘNG	192.446.215	143.923.122
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	390.318.070	319.598.039
Chi phí lương nhân viên	144.510.009	182.156.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.248.405	76.519.841
Chi phí khấu hao	34.318.490	35.605.584
Chi phí dự phòng	21.272.492	8.620.401
Chi phí khác	354.668.623	85.048.386
TỔNG CỘNG	989.336.089	707.548.329

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	21.546.363	267.202.683
Lãi từ thanh lý tài sản	-	141.905.662
Nợ thuế được miễn	-	97.162.878
Các khoản khác	21.546.363	28.134.143
Chi phí khác	914.727.898	666.678.513
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	427.947.376	296.695.388
Thanh lý tài sản không hiệu quả	253.135.851	237.277.153
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	128.410.284	20.283.562
Các khoản phạt	44.461.527	9.350.809
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	17.349.380	19.122.206
Các khoản khác	43.423.480	83.949.395
LỖ KHÁC	(893.181.535)	(399.475.830)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%).

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.998.375	24.802.221
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	38.454.058	33.735.757
TỔNG CỘNG	41.452.433	58.537.978

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.696.838	430.145.293
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Lỗ từ các công ty con	1.257.732.317	883.912.470
Lợi thế thương mại phân bổ	390.318.070	319.598.040
Hoàn nhập chi phí lãi vay trên báo cáo tài chính hợp nhất	34.147.473	395.646.231
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	(32.629.674)	79.350.474
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	10.190.354	17.428.421
Tiền phạt	4.974.838	16.469.211
(Lỗ) lãi từ các công ty liên kết	(64.840.488)	16.336.454
Lãi từ thanh lý các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất	(563.609.679)	(878.438.276)
Các khoản dự phòng	(468.891.480)	(435.876.305)
Lợi nhuận của các công ty con được miễn thuế	(945.808.547)	(234.727.683)
Chênh lệch tỷ giá	58.559.227	(69.509.091)
Các khoản khác	296.257.819	151.576.224
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành chưa căn trừ lỗ năm trước	24.097.068	691.911.463
Lỗ các năm trước chuyển sang	-	(395.414.164)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành sau khi căn trừ lỗ năm trước	24.097.068	296.497.299
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	2.035.545	23.210.016
Thuế TNDN của hoạt động bất động sản	4.066.941	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	(3.104.111)	1.592.205
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	2.998.375	24.802.221
Thuế TNDN phải trả đầu năm	82.826.083	63.040.251
Khác	(2.111.279)	(424.874)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(54.584.465)	(4.591.515)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	29.128.714	82.826.083
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	30.664.436	84.361.805
Thuế TNDN nộp thừa	(1.535.722)	(1.535.722)

33.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

Ngàn VND				
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	98.599.120	105.125.055	(6.525.935)	14.005.828
	98.599.120	105.125.055	(6.525.935)	14.005.828
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	203.715.780	207.259.809	(3.544.029)	(41.284.877)
Thu nhập từ thanh lý đầu tư	103.208.182	-	103.208.182	-
Dự phòng khoản đầu tư	37.533.904	105.269.934	(67.736.030)	86.987.118
Thu nhập từ bán tài sản cho thuê tài chính	-	24.411.774	-	2.039.344
	344.457.866	336.941.517	31.928.123	47.741.585
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			38.454.058	33.735.757

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

34.1 Giao dịch trong năm

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

				Ngàn VND
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	384.715.112	2.677.712.456
		Thu hồi tiền cho vay	115.727.133	940.262.537
		Lãi cho vay	441.263.243	301.409.740
		Cần trừ công nợ	262.044.833	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	73.686.063	289.117.998
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.054.084	140.804.073
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	1.066.130.329	816.357.365
		Cho vay dài hạn	-	1.060.273.015
		Lãi cho vay	109.683.955	256.065.847
		Cần trừ công nợ	196.851.346	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	1.794.900.000	-
		Trả tiền mượn	1.658.900.000	-
		Vay ngắn hạn	612.995.000	-
		Vay dài hạn	129.709.600	-
		Góp vốn BCC	370.000.000	240.000.000
		Hoàn trả BCC	380.395.244	-
		Lãi cho vay	2.967.516	28.909.696
		Lãi đi vay	6.391.122	-
		Cho vay	3.920.000	-
		Thu hồi tiền cho vay	24.675.000	281.009.591
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	19.946.349	14.109.705
		Cho vay	-	199.900.328
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.112.788	33.797.024
		Cho vay	-	123.872.977
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay dài hạn	2.256.438.360	-
		Thu hồi tiền cho vay	729.091.049	-
		Lãi cho vay	70.281.828	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Hoàn trả BCC	129.778.980	-

				Ngàn VND
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	100.000.000	-
		Lãi cho vay	21.758.487	14.839.392
		Thanh lý tài sản cố định	26.033.893	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.514.405	8.012.666
		Cho vay dài hạn	-	68.079.071
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	-	115.917.134
		Lãi cho vay	-	11.893.703
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Thu hồi tiền cho vay	2.015.741.470	-
		Thu hồi lãi cho vay	148.102.850	-
		Cho vay	82.203.000	-
		Lãi cho vay	9.005.421	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	15.269.167	16.661.083
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	11.103.123	11.363.773
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.304.507	8.434.522
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.069.444	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.565.216	17.019.244
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty con	Cho mượn	-	398.208.195
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	180.570.736
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	99.243.127
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	24.564.938
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	17.748.342
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai (*)	Công ty con	Vay	-	30.091.300
		Lãi vay	-	10.170.174
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	7.584.732

(*) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 03 năm 2018, Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai và Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.1 Giao dịch trong năm (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan	Cho mượn	-	676.200.000
		Nhận chuyển nhượng phần vốn góp	676.200.000	-
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	Cho mượn	-	935.057.000
		Nhận chuyển nhượng phần vốn góp	1.150.023.000	-
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	Cho mượn	-	516.700.000
		Nhận chuyển nhượng phần vốn góp	650.923.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Nhận góp vốn BCC	345.000.000	55.500.000
		Hoàn trả BCC	296.055.000	-
Ông Nguyễn Thượng Trung	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	137.000.000
		Hoàn trả BCC	137.000.000	-
Ông Thủy Ngọc Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	135.000.000
		Hoàn trả BCC	135.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	140.000.000
		Hoàn trả BCC	140.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	115.000.000
		Hoàn trả BCC	115.000.000	-
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	110.000.000
		Hoàn trả BCC	110.000.000	-
Ông Dương Thanh Bích	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	150.000.000
		Hoàn trả BCC	150.000.000	-
Bà Lê Thùy Dương	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	50.000.000
		Hoàn trả BCC	50.000.000	-

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	200.544.787	496.649.239
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	71.906.750	40.079.827
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Cảnh Đồng Vàng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.370.320	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	382.628	3.628.478
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	65.325.049
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (**)	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	20.756.431
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	-	11.456.776
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.941.066	3.778.218
TỔNG CỘNG			307.145.551	641.674.018

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Ngàn VND			
Nhóm An Phú	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng hóa	133.665.986	439.883.209
	Bán tài sản cố định	383.279	-
	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	18.084.773
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
	Bán hàng hóa	2.180.959	3.517.833
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bán tài sản cố định	26.006.620	-
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.210.285	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.774.737
Các bên liên quan khác	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.792.743
TỔNG CỘNG		200.544.787	496.649.239

(**) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	29.771.109	410.301.606
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	3.850.000	-
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.569.366
TỔNG CỘNG			33.621.109	412.870.972

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Ngàn VND			
Nhóm An Phú	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Ứng trước mua hàng hóa	29.771.109	397.012.296
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	13.016.410
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Ứng trước dịch vụ xây dựng	-	272.900
TỔNG CỘNG		29.771.109	410.301.606

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	489.039.660	1.090.388.994
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	9,00 - 11,00	82.203.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	0,00	56.653.075	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	0,00	5.815.217	-
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	-	-	935.057.000
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan	-	-	676.200.000
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	-	-	516.700.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (**)	Công ty con	-	-	445.627.940
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	-	-	49.900.700
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	-	-	33.990.410
Công ty Cổ Phần Long Thịnh	Công ty liên quan	-	-	4.170.750
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	-	-	2.925.526
TỔNG CỘNG			633.710.952	3.754.961.320

(**) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 03 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8) (tiếp theo)

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Ngàn VND			
Nhóm An Phú	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	12,00	313.312.864	185.994.550
Công ty TNHH An Tiến	10,00	93.000.000	93.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	12,00	82.726.796	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	-	-	626.466.204
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	-	-	123.299.907
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	-	-	61.628.333
TỔNG CỘNG		489.039.660	1.090.388.994

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	450.594.792	497.088.437
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	3.589.369	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	1.950.431	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	-	33.288.967
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng (**)	Công ty con	Cho mượn	-	19.016.297
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	-	1.853.367
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Lãi cho vay và cho mượn	1.124.357	7.617.537
TỔNG CỘNG			457.258.949	558.864.605

(**) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

(*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Ngàn VND			
Nhóm An Phú	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Cho mượn	200.852.876	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	157.007.722	159.626.905
	Chi phí trả hộ	2.619.184	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	19.847.708	156.386.695
	Cho mượn	21.376.469	28.124.334
	Chi phí trả hộ	1.139.938	31.807.278
Công ty TNHH An Tiến	Lãi cho vay	31.235.470	21.806.304
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Cho mượn	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Chi phí trả hộ	2.192.000	2.556.565
	Lãi cho vay	1.682.111	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	17.255	17.255
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Lãi cho vay	-	44.353.801
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Lãi cho vay	-	21.557.241
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Lãi cho vay	-	18.228.000
TỔNG CỘNG		450.594.792	497.088.437

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

NgànVND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Nhóm An Phú (**)	Các công ty liên quan	(**)	6.095.915.457	7.435.714.993
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	12,00	22.895.434	-
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	0,00	6.123.820	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt May	Công ty liên quan	10,00	5.590.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty con	-	-	54.052.853
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	-	-	23.193.100
TỔNG CỘNG			6.130.524.711	7.512.960.946

(*) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 03 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

(**) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngàn VND
			Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	12,00	3.884.249.304	3.491.345.993
Công ty Cổ phần Lê Me	14,00	1.527.347.311	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	10,00	196.731.113	196.731.113
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	10,00	155.872.977	358.488.312
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	10,00	147.000.000	75.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	10,00	100.000.000	136.261.796
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	10,00	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	13,00	34.714.752	710.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	-	-	1.834.926.927
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sài Gòn Mê Kông	-	-	381.703.227
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	-	-	105.110.065
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	-	-	75.481.435
Công ty TNHH An Tiến	-	-	20.666.125
TỔNG CỘNG		6.095.915.457	7.435.714.993

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

NgànVND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Nhóm An Phú (**)	Các công ty liên quan	(**)	328.991.673	639.920.595
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	-	130.284.692
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng (*)	Công ty con	Cho mượn	-	117.720.096
		Lãi cho vay	-	2.551.686
Các công ty khác	Các công ty liên quan	Các khoản khác	548.630	-
TỔNG CỘNG			329.540.303	890.477.069

(*) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 03 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

(**) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

			Ngàn VND
Nhóm An Phú	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Lãi cho vay	146.857.511	260.327.064
	Phải thu BCC	-	125.750.980
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Lãi cho vay	43.040.917	9.543.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Lãi cho vay	32.468.560	12.522.211
Công ty Cổ phần Lê Me	Lãi cho vay	29.098.785	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Lãi cho vay	26.861.748	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Lãi cho vay	26.168.409	20.488.121
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Lãi cho vay	17.975.000	12.905.556
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Lãi cho vay	6.520.743	31.061.435
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Lãi cho vay	-	161.975.432
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Cho mượn	-	4.099.189
Công ty TNHH An Tiến	Cho mượn	-	1.246.857
TỔNG CỘNG		328.991.673	639.920.595

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

				Ngàn VND
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty Cổ phần IAPACCO	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.760.988	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	10.391.383	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	4.344.889	102.076.936
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	4.093.267	84.221.566
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	83.166.966
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	9.328.145
Các bên liên quan khác		Mua hàng hóa	259.851	268.067
TỔNG CỘNG			37.850.378	279.061.680
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 20)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng	-	194.864.544
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng (*)	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	128.617.878
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	621.570
TỔNG CỘNG			-	324.103.992

(*) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 03 năm 2018, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

				Ngàn VND
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	136.000.000	-
		Nhận góp vốn BCC	-	240.000.000
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tiền	20.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Hòa	Bên liên quan	Mượn tiền	15.305.360	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty liên kết	Mượn tiền	11.786.058	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	11.685.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	6.450.000	6.450.000
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai (*)	Công ty con	Cho mượn tạm	-	500.000.000
		Lãi cho vay	-	10.120.174
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	250.098.890
		Lãi cho vay	-	40.329.333
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	150.000.000
		Cho mượn tạm	-	4.100.000
Ông Dương Thanh Bích	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	150.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	140.000.000
Ông Nguyễn Thượng Trung	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	137.000.000
Ông Thủy Ngọc Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	135.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	115.000.000
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	110.000.000

(*) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23) (tiếp theo)				
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Nhận góp vốn BCC	-	55.500.000
Bà Lê Thùy Dương	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Á Đông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	10.666.989
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	5.711.421
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	3.000.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	2.654.276
		Cổ tức phải trả	-	2.034.000
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Cho mượn tạm	-	1.958.300
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	22.147.125
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.687.710	3.160.011
TỔNG CỘNG			202.914.128	2.144.930.519
Phải trả dài hạn khác (TM số 23)				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Nhận góp vốn BCC	550.000.000	550.000.000
		Khác	2.034.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Nhận góp vốn BCC	180.000.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Nhận góp vốn BCC	105.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Khác	7.666.626	-
Các bên khác	Các bên liên quan	Khác	25.148	77.566
TỔNG CỘNG			844.725.774	550.077.566

Ngàn VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi đi vay	4.001.707	-
Chi phí phải trả dài hạn				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi đi vay	2.389.416	-
Vay ngắn hạn (TM số 24)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Vay	612.995.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	-	298.000.000
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai (*)	Công ty con	Vay	-	12.091.300
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay	-	7.823.000
TỔNG CỘNG			612.995.000	317.914.300
Vay dài hạn (TM số 24)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Vay	129.709.600	-

(*) Theo Thuyết minh số 4, vào ngày 17 tháng 03 năm 2018, Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai đã trở thành công ty con trong Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

34.3 Nợ phải thu nhóm An Phú

Dưới đây trình bày khoản phải thu từ nhóm An Phú (trích từ TM số 34.2) như sau:

Theo giao dịch phát sinh:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn	6.095.915.457	7.435.714.993
Phải thu về cho vay ngắn hạn	489.039.660	1.090.388.994
Phải thu ngắn hạn khác	450.594.792	497.088.437
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	200.544.787	496.649.239
Phải thu dài hạn khác	328.991.673	639.920.595
Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.771.109	410.301.606
TỔNG CỘNG	7.594.857.478	10.570.063.864

Theo đối tượng công nợ:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	4.550.604.168	5.134.717.173
Công ty Cổ phần Lê Me	1.556.446.096	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	341.668.291	538.603.338
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	229.216.928	210.127.665
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	224.338.556	170.427.556
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	219.817.820	257.185.434
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	200.852.876	-
Công ty TNHH An Tiến	124.235.470	136.889.504
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Bảo Minh	67.975.000	62.905.556
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	61.576.500	793.185.574
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	12.624.059	12.624.059
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	5.501.714	85.355.361
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	-	2.668.212.942
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	-	381.703.227
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	-	118.126.475
TỔNG CỘNG	7.594.857.478	10.570.063.864

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản phải thu của Tập đoàn đối với nhóm An Phú như trên đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Chủ tịch HĐQT - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

34.4 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Ban thư ký

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Lương	11.558.691	10.309.200
Ban kiểm soát		
Lương	1.008.000	1.548.000
Ban thư ký		
Lương	401.333	132.000
TỔNG CỘNG	12.968.024	11.989.200

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc, trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	29.032.155	98.021.128
Từ 1 đến 5 năm	116.048.422	709.537.635
Trên 5 năm	1.046.633.514	7.397.081.714
TỔNG CỘNG	1.191.714.091	8.204.640.477

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của 02 dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tập đoàn chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số LAO-ATP(01) tháng 01 năm 2013 và điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang số LAO-NKP(01) ngày 15 tháng 06 năm 2013 thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

35. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đang là bị đơn trong vụ kiện tranh chấp Hợp đồng góp vốn được ký kết ngày 19 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT ("FPT Capital"), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai hay HAG Rubber), Ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn và Tập đoàn mà FPT Capital đang khởi kiện yêu cầu Tập đoàn mua lại toàn bộ 2.242.500 cổ phần của HAG Rubber mà FPT nắm giữ với giá trị yêu cầu là 141.353.823 ngàn VND. Theo các nội dung trong các Hợp đồng góp vốn có yêu cầu, trong mọi trường hợp và vào bất kỳ thời điểm nào sau 6 tháng kể từ ngày HAG Rubber thực hiện niêm yết (ngày 10 tháng 7 năm 2015), Tập đoàn có nghĩa vụ mua lại toàn bộ số cổ phần HAG Rubber mà FPT Capital nắm giữ trong trường hợp Ông Đoàn Nguyên Đức không thực hiện cam kết này.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản của các hợp đồng và cam kết thanh toán nêu trên có các nội dung vi phạm pháp luật dẫn đến vô hiệu hợp đồng cam kết. Vào ngày 19 tháng 10 năm 2018, Tập đoàn đã gửi đơn phản tố để yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai tuyên vô hiệu Hợp đồng. Ngoài ra, tại ngày báo cáo này, Ông Đoàn Nguyên Đức cũng đã cam kết có đủ khả năng thực hiện các nội dung trong hợp đồng tùy vào phán quyết của Tòa án mà không yêu cầu Tập đoàn phát sinh thêm nghĩa vụ nào khác liên quan đến hợp đồng cam kết này.

36. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- KIP Lào (LAK)	120.520.076	1.307.232.151
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	84.386.864	215.851.975
- Đô la Mỹ (USD)	1.860.416	3.083.091
- Đồng Euro (EUR)	455	7.143
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	-	525.633.509
- Đồng Bạc Thái Lan (THB)	-	3.093.096

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ bán và cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, trái cây, thu hoạch chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Bất động sản	Sản xuất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		
<i>Doanh thu</i>		
Từ khách hàng bên ngoài	782.795.151	464.954.062
Giữa các bộ phận	-	347.049.601
Tổng cộng	782.795.151	812.003.663
Kết quả của bộ phận	341.345.337	257.259.508
Chi phí không phân bổ		
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính		
Thu nhập tài chính		
Chi phí tài chính		
Phần lỗ trong công ty liên kết		
Lợi nhuận trước thuế		
Thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế trong năm		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017		
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>		
Tài sản của bộ phận	10.108.173.230	5.743.353.617
Tiền của Tập đoàn		
Đầu tư vào công ty liên kết		
Tài sản không phân bổ		
Tổng tài sản		
Nợ phải trả của bộ phận	(5.182.475.843)	(6.616.331.417)
Nợ phải trả không phân bổ		
Tổng nợ phải trả		

					Ngàn VND
<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Năng lượng</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
606.673.377	80.381.541	2.906.420.943	-	-	4.841.225.074
66.190.098	8.072.330	616.520.622	-	(1.037.832.651)	-
672.863.475	88.453.871	3.522.941.565	-	(1.037.832.651)	4.841.225.074
161.539.394	22.475.012	948.922.826	-	-	1.731.542.077
					(1.250.947.281)
					480.594.796
					1.665.916.448
					(1.697.932.438)
					(18.433.513)
					430.145.293
					(24.802.221)
					(33.735.757)
					371.607.315
339.487.886	173.418.104	30.725.856.836	3.420.834.551	-	50.511.124.224
					141.473.491
					847.332.517
					1.562.197.424
					53.062.127.656
(68.879.664)	(260.523.722)	(21.807.357.090)	(2.933.736.948)	-	(36.869.304.684)
					1.595.149.706
					(35.274.154.978)

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bất động sản	Sản xuất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		
<i>Doanh thu</i>		
Từ khách hàng bên ngoài	567.372.089	470.270.787
Giữa các bộ phận	-	427.371.708
Tổng cộng	567.372.089	897.642.495
Kết quả của bộ phận	301.161.009	310.474.238
Chi phí không phân bổ		
Lãi trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính		
Thu nhập tài chính		
Chi phí tài chính		
Lãi từ công ty liên kết		
Lợi nhuận trước thuế		
Thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018		
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>		
Tài sản của bộ phận	562.947.574	6.705.004.847
Tiền		
Đầu tư vào công ty liên kết		
Tài sản không phân bổ		
Tổng tài sản		
Nợ phải trả của bộ phận	(928.303)	(8.448.995.001)
Nợ phải trả không phân bổ		
Tổng nợ phải trả		

					Ngàn VND
<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Xây dựng</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Năng lượng</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
406.544.334	22.667.344	3.921.345.846	-	-	5.388.200.400
66.985.430	-	982.375.852	-	(1.476.732.990)	-
473.529.764	22.667.344	4.903.721.698	-	(1.476.732.990)	5.388.200.400
38.503.195	(2.798.549)	1.727.365.281	-	-	2.374.705.174
					(2.074.963.839)
					299.741.335
					1.404.799.179
					(1.721.684.164)
					64.840.488
					47.696.838
					(2.998.375)
					(38.454.058)
					6.244.405
328.813.728	635.254.936	33.170.287.045	3.136.811.361	-	44.539.119.491
					337.736.719
					2.771.892.520
					462.692.886
					48.111.441.616
(51.841.968)	(9.229.926)	(19.857.001.631)	(2.589.612.515)	-	(30.957.609.344)
					(342.945.586)
					(31.300.554.930)

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		
<i>Doanh thu</i>		
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.095.062.446	1.331.396.451
Chi phí hình thành tài sản cố định	236.117.052	711.056.002
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017		
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>		
Tài sản bộ phận	16.833.346.285	15.622.303.647
Tiền		
Đầu tư vào công ty liên kết		
Tài sản không phân bổ		
Tổng tài sản		
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		
<i>Doanh thu</i>		
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.404.557.735	1.425.895.038
Chi phí hình thành tài sản cố định	369.573.685	1.376.177.891
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018		
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>		
Tài sản bộ phận	14.312.987.426	18.630.100.529
Tiền		
Đầu tư vào công ty liên kết		
Tài sản không phân bổ		
Tổng tài sản		

Ngàn VND			
Campuchia	Myanmar	Khác	Tổng cộng
185.986.793	1.108.579.730	120.199.654	4.841.225.074
320.878.133	30.068.437	7.019	1.298.126.643
9.765.409.189	6.301.084.842	55.124.130	48.577.268.093
			141.473.491
			847.332.517
			3.496.053.555
			53.062.127.656
462.576.959	709.295.233	385.875.435	5.388.200.400
738.160.181	123.728.000	-	2.607.639.757
11.175.137.728	-	-	44.118.225.683
			337.736.719
			2.771.892.520
			883.586.694
			48.111.441.616

Thuyết minh báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

38. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chi tiết như sau:

			VND
	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Người mua trả tiền ngắn hạn	3.595.954.762	(431.809.106)	3.164.145.656
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.231.386.531	397.103.920	1.628.490.451
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13.984.482	300.140.104	314.124.586
Phải trả ngắn hạn khác	3.755.607.293	(397.103.920)	3.358.503.373
Chi phí phải trả dài hạn	987.071.192	332.106.423	1.319.177.615
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	131.669.002	131.669.002
Phải trả dài hạn khác	1.269.645.155	(332.106.423)	937.538.732

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2019



HAGL Group

Báo cáo thường niên 2018 Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ngoài bản in, còn được công bố dưới hình thức bản điện tử tại địa chỉ website www.hagl.com.vn

Quý Cổ đông và các bên liên quan có nhu cầu nhận bản in vui lòng liên hệ Văn phòng đại diện HAGL tại TP.HCM:

🏠 Phòng 101- Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

☎ (+84) 28 2253 4123

(+84) 28 2253 4125



🏠 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

☎️ (+84) 269 222 5888

📠 (+84) 269 222 2335

🌐 www.hagl.com.vn